

**PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH MÔN TOÁN LỚP 2**  
**BỘ KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG**

**HỌC KÌ I**

| TUẦN       | TIẾT                                                      | TÊN BÀI HỌC                        | YÊU CẦU CẦN ĐẠT                                                                                                                                                                                                                                                                      | HÌNH THỨC TỔ CHỨC | GHI CHÚ |
|------------|-----------------------------------------------------------|------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|---------|
| TUẦN<br>01 | <b>CHỦ ĐỀ 1: ÔN TẬP VÀ BỔ SUNG</b>                        |                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                   |         |
|            | <b>Bài 1: Ôn tập các số đến 100 (3 tiết)</b>              |                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                   |         |
|            | 01                                                        | Luyện tập                          | Nhận biết được cấu tạo thập phân của số, phân tích số (viết dạng $42 = 40 + 2$ ).<br>Củng cố về thứ tự, so sánh số có hai chữ số                                                                                                                                                     | Dạy học trên lớp  |         |
|            | 02                                                        | Luyện tập                          | Đọc, viết, xếp thứ tự, so sánh được các số đến 100.<br>Nhận biết được số chục, số đơn vị của số có hai chữ số; ước lượng được số đồ vật theo nhóm chục.<br>HS nhận biết, phân tích được số có hai chữ số theo số chục và số đơn vị, viết được số có hai chữ số dạng: $35 = 30 + 5$ . | Dạy học trên lớp  |         |
|            | 03                                                        | Luyện tập                          | Giúp HS làm quen với ước lượng theo nhóm chục.<br>Ôn tập, củng cố về phân tích số và bảng số từ 1 đến 100 đã học.                                                                                                                                                                    | Dạy học trên lớp  |         |
|            | <b>Bài 2: Tia số. Số liền trước, số liền sau (2 tiết)</b> |                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                   |         |
|            | 04                                                        | Tia số. Số liền trước, số liền sau | Nhận biết được tia số và viết được số thích hợp trên tia số.<br>Nhận biết được số liền trước, số liền sau của một số.                                                                                                                                                                | Dạy học trên lớp  |         |
|            | 05                                                        | Luyện tập                          | Củng cố kiến thức về tia số, số liền trước, số liền sau đã học ở tiết 1.<br>Tính toán, xác định chính xác để tìm số liền trước, liền sau của một số.                                                                                                                                 | Dạy học trên lớp  |         |

|                    |                                                               |                                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                  |  |
|--------------------|---------------------------------------------------------------|---------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|--|
| <b>TUẦN<br/>02</b> | <b>Bài 3: Các thành phần của phép cộng, phép trừ (3 tiết)</b> |                                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                  |  |
|                    | <b>06</b>                                                     | <b>Số hạng. Tổng</b>            | HS nhận biết được số hạng, tổng trong phép cộng.<br>Tính được tổng khi biết các số hạng.<br>Phát triển năng lực tính toán.<br>Phát triển kỹ năng hợp tác, rèn tính cẩn thận.                                                                                                                                                                                                                                 | Dạy học trên lớp |  |
|                    | <b>07</b>                                                     | <b>Số bị trừ, số trừ, hiệu.</b> | HS nhận biết được số bị trừ, số trừ, hiệu trong phép trừ.<br>Tính được hiệu khi biết số bị trừ và số trừ.<br>Phát triển năng lực tính toán.<br>Phát triển kỹ năng hợp tác, rèn tính cẩn thận.                                                                                                                                                                                                                | Dạy học trên lớp |  |
|                    | <b>08</b>                                                     | <b>Luyện tập</b>                | HS thực hiện được phép cộng, phép trừ và so sánh các số.<br>Lập được các số có hai chữ số từ các chữ số đã cho; sắp xếp các số theo thứ tự, tìm được số lớn nhất, số bé nhất trong các số đã cho.<br>Phát triển năng lực tính toán, kỹ năng so sánh số.<br>Phát triển kỹ năng hợp tác, rèn tính cẩn thận.                                                                                                    | Dạy học trên lớp |  |
|                    | <b>Bài 4: Hơn kém nhau bao nhiêu (2 tiết)</b>                 |                                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                  |  |
|                    | <b>09</b>                                                     | <b>Hơn, kém nhau bao nhiêu</b>  | HS Nhận biết bà toán hơn kém nhau bao nhiêu qua quan sát đề bài và tranh.<br>Biết giải và trình bày bài giải toán có lời văn với một phép tính<br>Phát triển năng lực tính toán, trình bày lời giải toán có lời văn với 1 phép tính rèn và phát triển năng lực giải quyết vấn đề. Phát triển kỹ năng giao tiếp toán học qua nói và viết bài toán có lời văn<br>Phát triển kỹ năng hợp tác, rèn tính cẩn thận | Dạy học trên lớp |  |
|                    | <b>10</b>                                                     | <b>Luyện tập</b>                | HS Nhận biết bà toán hơn kém nhau bao nhiêu qua quan sát đề bài và tranh.<br>Biết giải và trình bày bài giải toán có lời văn                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                  |  |

|                    |                                                                                 |                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                  |  |
|--------------------|---------------------------------------------------------------------------------|------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|--|
|                    |                                                                                 |                  | <p>với một phép tính</p> <p>- Phát triển năng lực tính toán, trình bày lời giải toán có lời văn với 1 phép tính rèn và phát triển năng lực giải quyết vấn đề. Phát triển kỹ năng giao tiếp toán học qua nói và viết bài toán có lời văn Phát triển kỹ năng hợp tác, rèn tính cẩn thận</p>                                                                                                                                     | Dạy học trên lớp |  |
|                    | <b>Bài 5: Ôn tập phép cộng, phép trừ (không nhớ) trong phạm vi 100 (3 tiết)</b> |                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                  |  |
| <b>TUẦN<br/>03</b> | <b>11</b>                                                                       | <b>Luyện tập</b> | <p>HS thực hiện được phép cộng, phép trừ (không nhớ) trong phạm vi 100.</p> <p>Thực hiện cộng, trừ nhẩm trong các trường hợp đơn giản và với các số tròn chục.</p> <p>Giải và trình bày được bài giải của bài toán có lời văn liên quan đến phép cộng, phép trừ đã học trong phạm vi 100.</p> <p>Phát triển năng lực tư duy và lập luận, năng lực giải quyết vấn đề</p> <p>Phát triển kỹ năng hợp tác, rèn tính cẩn thận.</p> | Dạy học trên lớp |  |
|                    | <b>12</b>                                                                       | <b>Luyện tập</b> | <p>HS thực hiện được phép cộng, phép trừ và so sánh được các số có hai chữ số</p> <p>Viết đúng cách đặt tính</p> <p>Giải và trình bày được bài giải của bài toán có lời văn</p> <p>Phát triển năng lực tính toán, kỹ năng thực hiện phép cộng trừ và so sánh các số</p> <p>Phát triển kỹ năng hợp tác, rèn tính cẩn thận</p>                                                                                                  | Dạy học trên lớp |  |
|                    | <b>13</b>                                                                       | <b>Luyện tập</b> | <p>HS thực hiện được phép cộng, phép trừ và so sánh các số để tìm số lớn nhất, số bé nhất.</p> <p>Giải và trình bày được bài giải của bài toán có lời văn. Phát triển năng lực tính toán, kỹ năng so sánh số.</p> <p>Phát triển kỹ năng hợp tác, rèn tính cẩn thận.</p>                                                                                                                                                       | Dạy học trên lớp |  |
|                    | <b>Bài 6: Luyện tập chung (2 tiết)</b>                                          |                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                  |  |

|            |                                                            |                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                  |  |
|------------|------------------------------------------------------------|-------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|--|
|            | 14                                                         | Luyện tập                           | <p>Nhận biết được số liền trước, số liền sau, số hạng, tổng. Sắp xếp được bốn số theo thứ tự từ bé đến lớn và ngược lại.</p> <p>Thực hiện được phép cộng, phép trừ trong phạm vi 100</p> <p>Giải và trình bày được bài giải bài toán có lời văn</p> <p>Phát triển năng lực tư duy và lập luận</p> <p>Phát triển năng lực giải quyết vấn đề</p> | Dạy học trên lớp |  |
|            | 15                                                         | Luyện tập                           | <p>HS thực hiện được phép cộng, phép trừ và so sánh các số.</p> <p>Lập được các số có hai chữ số từ các chữ số đã cho; tìm được số lớn nhất, số bé nhất trong các số đã cho.</p> <p>Phát triển năng lực tính toán, kĩ năng so sánh số.</p> <p>Phát triển kĩ năng hợp tác, rèn tính cẩn thận.</p>                                               | Dạy học trên lớp |  |
| TUẦN<br>04 | <b>CHỦ ĐỀ 2: PHÉP CỘNG PHÉP TRỪ TRONG PHẠM VI 20</b>       |                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                  |  |
|            | <b>Bài 7: Phép cộng (qua 10) trong phạm vi 20 (5 tiết)</b> |                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                  |  |
|            | 16                                                         | Phép cộng (qua 10) trong phạm vi 20 | <p>HS nhận biết được phép cộng (qua 10) trong phạm vi 20. Tính được phép cộng (qua 10) bằng cách nhẩm hoặc tách số.</p> <p>Hình thành bảng cộng vận dụng vào giải các bài toán thực tế có liên quan</p> <p>Phát triển năng lực tính toán.</p> <p>Phát triển kĩ năng hợp tác, rèn tính cẩn thận</p>                                             | Dạy học trên lớp |  |
|            | 17                                                         | Luyện tập                           | <p>Củng cố phép cộng (qua 10).</p> <p>Hoàn thiện bảng” 9 cộng (qua 10) với một số.</p> <p>Vận dụng vào bài toán thực tế và tính toán với trường hợp có hai dấu phép tính</p> <p>Phát triển năng lực tính toán.</p> <p>Phát triển kĩ năng hợp tác, rèn tính cẩn thận.</p>                                                                       | Dạy học trên lớp |  |
|            | 18                                                         | Luyện tập                           | Hoàn thiện bảng” 7 cộng với một số và bảng 8                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Dạy học trên lớp |  |

|            |                                           |                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                  |  |
|------------|-------------------------------------------|--------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|--|
|            |                                           |                    | cộng với một số.<br>Vận dụng vào làm bài tập và giải các bài toán thực tế.<br>Phát triển năng lực tính toán.<br>Phát triển kỹ năng hợp tác, rèn tính cẩn thận                                                                                                                                                                                                             |                  |  |
|            | 19                                        | Luyện tập          | Hoàn thiện bảng” 6 cộng với một số.<br>Vận dụng vào làm bài tập và giải các bài toán thực tế.<br>Phát triển năng lực tính toán.<br>Phát triển kỹ năng hợp tác, rèn tính cẩn thận.                                                                                                                                                                                         | Dạy học trên lớp |  |
|            | 20                                        | Luyện tập          | Củng cố các phép tính cộng (qua 10) của các bảng 6,7,8,9 cộng với một số.<br>Vận dụng vào làm bài tập và giải các bài toán thực tế.<br>Phát triển năng lực tính toán.<br>Phát triển kỹ năng hợp tác, rèn tính cẩn thận.                                                                                                                                                   | Dạy học trên lớp |  |
| TUẦN<br>05 | <b>Bài 8: Bảng cộng (qua 10) (2 tiết)</b> |                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                  |  |
|            | 21                                        | Bảng cộng (qua 10) | Hình thành được bảng cộng (qua 10) qua việc hệ thống lại các phép cộng (qua 10) đã học thành một bảng.<br>Vận dụng bảng cộng (qua 10) vào tính nhẩm, giải các bài tập hoặc bài toán thực tế liên quan đến phép cộng (qua 10)<br>Phát triển năng lực tính toán, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp toán học.<br>Phát triển kỹ năng hợp tác, rèn tính cẩn thận. | Dạy học trên lớp |  |
|            | 22                                        | Luyện tập          | Thực hành, vận dụng được bảng cộng (qua 10) vào giải các bài tập và bài toán thực tế liên quan đến phép cộng (qua 10) và so sánh các số.<br>Củng cố về tính toán trong trường hợp có hai dấu phép tính, so sánh số,...<br>Phát triển năng lực giao tiếp toán học.                                                                                                         | Dạy học trên lớp |  |

|                |                                                            |                                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                  |  |
|----------------|------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|--|
|                |                                                            |                                            | Phát triển kỹ năng hợp tác, kỹ năng so sánh số, rèn tính cẩn thận                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                  |  |
|                | <b>Bài 9: Bài toán về thêm, bớt một số đơn vị (3 tiết)</b> |                                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                  |  |
|                | 23                                                         | <b>Giải bài toán về thêm một số đơn vị</b> | <p>HS nhận biết được bài toán về thêm một số đơn vị. Biết giải và trình bày bài giải bài toán về thêm ( có một bước tính)</p> <p>Vận dụng giải được các bài toán về thêm một số đơn vị ( liên quan đến ý nghĩa thực tiễn của phép tính).</p> <p>Phát triển năng lực tính toán, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp toán học.</p> <p>Phát triển kỹ năng hợp tác, rèn tính cẩn thận.</p> | Dạy học trên lớp |  |
|                | 24                                                         | <b>Giải bài toán về bớt một số đơn vị</b>  | <p>HS nhận biết được bài toán về bớt một số đơn vị. Biết giải và trình bày bài giải bài toán về bớt ( có một bước tính)</p> <p>Phát triển năng lực tính toán, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp toán học.</p> <p>Phát triển kỹ năng hợp tác, rèn tính cẩn thận.</p>                                                                                                                  | Dạy học trên lớp |  |
|                | 25                                                         | <b>Luyện tập</b>                           | <p>Vận dụng giải được các bài toán về thêm một số bớt vị ( liên quan đến ý nghĩa thực tiễn của phép tính).</p> <p>Phát triển năng lực tính toán, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp toán học.</p> <p>Phát triển kỹ năng hợp tác, rèn tính cẩn thận.</p>                                                                                                                               | Dạy học trên lớp |  |
| <b>TUẦN 06</b> | <b>Bài 10: Luyện tập chung (2 tiết)</b>                    |                                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                  |  |
|                | 26                                                         | <b>Luyện tập</b>                           | <p>Ôn tập bảng cộng (qua 10)</p> <p>Thực hiện được các bài toán với hình khối lập phương</p> <p>Phát triển năng lực giải quyết vấn đề, giao tiếp toán học.</p> <p>Phát triển kỹ năng hợp tác, rèn tính cẩn thận.</p>                                                                                                                                                                              | Dạy học trên lớp |  |
|                | 27                                                         | <b>Luyện tập</b>                           | <p>Ôn tập bảng cộng (qua 10)</p> <p>Thực hiện được các bài toán về thêm, bớt một</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Dạy học trên lớp |  |

|                |           |                                                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                  |  |
|----------------|-----------|------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|--|
|                |           |                                                            | <p>số đơn vị.<br/>Phát triển năng lực giải quyết vấn đề, giao tiếp toán học.<br/>Phát triển kỹ năng hợp tác, rèn tính cẩn thận.</p>                                                                                                                                              |                  |  |
|                |           | <b>Bài 11: Phép trừ (qua 10) trong phạm vi 20 (4 tiết)</b> |                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                  |  |
|                | <b>28</b> | <b>Phép trừ (qua 10) trong phạm vi 20</b>                  | <p>HS biết được ý nghĩa của phép trừ.<br/>Thực hiện các phép trừ 11,12,...,19 trừ đi một số.<br/>Giải được một số bài toán có lời văn liên quan đến phép trừ qua 10 trong phạm vi 20.<br/>Phát triển năng lực tính toán.<br/>Phát triển kỹ năng hợp tác, rèn tính cẩn thận</p>   | Dạy học trên lớp |  |
|                | <b>29</b> | <b>Luyện tập</b>                                           | <p>Biết tính nhẩm phép trừ qua 10 trong phạm vi 20. Thực hiện được các phép trừ dạng 12,13 trừ đi một số.<br/>Trình bày được các bài toán có lời giải.<br/>Phát triển năng lực giải quyết vấn đề, giao tiếp toán học.<br/>Phát triển kỹ năng hợp tác, rèn tính cẩn thận</p>      | Dạy học trên lớp |  |
|                | <b>30</b> | <b>Luyện tập</b>                                           | <p>Biết tính nhẩm phép trừ qua 10 trong phạm vi 20.<br/>Thực hiện được các phép trừ dạng 14, 15 trừ đi một số.<br/>Trình bày được các bài toán có lời giải.<br/>Phát triển năng lực giải quyết vấn đề, giao tiếp toán học<br/>Phát triển kỹ năng hợp tác, rèn tính cẩn thận.</p> | Dạy học trên lớp |  |
| <b>TUẦN 07</b> | <b>31</b> | <b>Luyện tập</b>                                           | <p>HS thực hiện được các phép trừ (qua 10) trong phạm vi 20.<br/>Giải được bài toán có lời văn liên quan đến phép trừ (qua 10) trong phạm vi 20<br/>Củng cố so sánh số.</p>                                                                                                      | Dạy học trên lớp |  |

|                                                                     |                                                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                  |  |
|---------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|--|
|                                                                     |                                                 | Phát triển năng lực tư duy và lập luận; năng lực giao tiếp toán học.<br>Phát triển năng lực giải quyết vấn đề.                                                                                                                                                                                                                 |                  |  |
| <b>Bài 12: Bảng trừ (qua 10) (2 tiết)</b>                           |                                                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                  |  |
| <b>32</b>                                                           | <b>Bảng trừ (qua 10)</b>                        | HS biết bảng trừ (qua 10) trong phạm vi 20.<br>Biết cách tìm kết quả phép trừ dựa vào bảng trừ (qua 10) trong phạm vi 20.<br>Thực hiện được các phép tính 11, 12, 13, ..., 18 trừ đi một số.<br>Phát triển năng lực tính toán.<br>Phát triển kỹ năng hợp tác, rèn tính cẩn thận.                                               | Dạy học trên lớp |  |
| <b>33</b>                                                           | <b>Luyện tập</b>                                | HS thực hiện được các phép trừ (qua 10) trong phạm vi 20.<br>Giải được bài toán có lời văn liên quan đến phép trừ (qua 10) trong phạm vi 20<br>Củng cố so sánh số.<br>Phát triển năng lực tư duy và lập luận; năng lực giao tiếp toán học.<br>Phát triển năng lực giải quyết vấn đề.                                           | Dạy học trên lớp |  |
| <b>Bài 13: Bài toán về nhiều hơn, ít hơn một số đơn vị (3 tiết)</b> |                                                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                  |  |
| <b>34</b>                                                           | <b>Giải bài toán về nhiều hơn một số đơn vị</b> | HS nhận biết được bài toán về nhiều hơn một số đơn vị.<br>Biết cách giải và trình bày bài giải bài toán về nhiều hơn một số đơn vị.<br>Vận dụng giải các bài toán về nhiều hơn một số đơn vị liên quan đến ý nghĩa thực hiện của phép tính.<br>Phát triển năng lực tính toán.<br>Phát triển kỹ năng hợp tác, rèn tính cẩn thận | Dạy học trên lớp |  |
| <b>35</b>                                                           | <b>Giải bài toán về ít hơn một số đơn vị</b>    | HS nhận biết được bài toán về ít hơn một số đơn vị.<br>Biết cách giải và trình bày bài giải bài toán về ít hơn một số đơn vị.                                                                                                                                                                                                  | Dạy học trên lớp |  |

|                    |                                         |                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                  |  |
|--------------------|-----------------------------------------|------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|--|
|                    |                                         |                  | Củng cố thêm về bài toán nhiều hơn một số đơn vị.<br>Phát triển năng lực tính toán.<br>Phát triển kỹ năng hợp tác, rèn tính cẩn thận.                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                  |  |
| <b>TUẦN<br/>08</b> | <b>36</b>                               | <b>Luyện tập</b> | Thực hiện được phép cộng, phép trừ (qua 10) trong phạm vi 20.<br>Thực hiện được việc tính trong trường hợp có hai dấu phép cộng, trừ.<br>Giải được bài toán có lời văn liên quan đến phép cộng, phép trừ (qua 10) trong phạm vi 20.<br>Phát triển năng lực tư duy và lập luận, năng lực giao tiếp toán học.<br>Phát triển năng lực giải quyết vấn đề qua giải toán thực tiễn. Phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác qua trò chơi. | Dạy học trên lớp |  |
|                    | <b>Bài 14: Luyện tập chung (3 tiết)</b> |                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                  |  |
|                    | <b>37</b>                               | <b>Luyện tập</b> | - Củng cố về:<br>+ Phép cộng, phép trừ; mối quan hệ về phép cộng và phép trừ.<br>+ Tính giá trị biểu thức số.<br>+ Giải toán có lời văn về phép trừ (qua 10) trong phạm vi 20.<br>Phát triển năng lực tính toán, kỹ năng so sánh số.<br>Phát triển kỹ năng hợp tác, rèn tính cẩn thận.                                                                                                                                               | Dạy học trên lớp |  |
|                    | <b>38</b>                               | <b>Luyện tập</b> | - Củng cố về:<br>+ Phép cộng, phép trừ; mối quan hệ về phép cộng và phép trừ.<br>+ Tính giá trị biểu thức số.<br>+ Giải toán có lời văn về phép trừ (qua 10) trong phạm vi 20.<br>Phát triển năng lực tính toán, kỹ năng so sánh                                                                                                                                                                                                     | Dạy học trên lớp |  |

|                                                     |                   |  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                  |  |
|-----------------------------------------------------|-------------------|--|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|--|
|                                                     |                   |  | số.<br>Phát triển kỹ năng hợp tác, rèn tính cẩn thận.                                                                                                                                                                                                                                                     |                  |  |
| 39                                                  | Luyện tập         |  | - Củng cố về:<br>+ Phép cộng, phép trừ; mối quan hệ về phép cộng và phép trừ.<br>+ Tính giá trị biểu thức số.<br>+ Qua trò chơi củng cố, rèn kỹ năng cho HS thực hiện phép cộng, phép trừ (qua 10 ) trong phạm vi 20.<br>Phát triển năng lực tính toán.<br>Phát triển kỹ năng hợp tác, rèn tính cẩn thận. | Dạy học trên lớp |  |
| <b>CHỦ ĐỀ 3: LÀM QUEN VỚI KHỐI LƯỢNG, DUNG TÍCH</b> |                   |  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                  |  |
| <b>Bài 15: Ki - lô- gam (3 tiết)</b>                |                   |  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                  |  |
| 40                                                  | Nặng hơn, nhẹ hơn |  | HS bước đầu cảm nhận, nhận biết về nặng hơn, nhẹ hơn, về biểu tượng đơn vị đo khối lượng ki- lô – gam.( kg)<br>Bước đầu so sánh nặng bằng nhau.<br>Phát triển năng lực tư duy, lập luận toán học.<br>Phát triển năng lực giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp toán học.                                  | Dạy học trên lớp |  |
| 41                                                  | Ki - lô- gam      |  | HS nhận biết được đơn vị đo khối lượng ki – lô – gam, cách đọc, viết các đơn vị đo đó.<br>Biết so sánh số đo ki – lô – gam để nhận biết được vật nặng hơn, nhẹ hơn.<br>Phát triển năng lực tính toán.<br>Phát triển kỹ năng hợp tác, rèn tính cẩn thận.                                                   | Dạy học trên lớp |  |
| 42                                                  | Luyện tập         |  | HS làm quen phép tính cộng, phép tính trừ với số đo ki – lô – gam.<br>Vận dụng vào giải toán liên quan đến các phép tính cộng, trừ với số đo ki – lô – gam.<br>Phát triển năng lực tính toán, kỹ năng so sánh số.<br>Phát triển kỹ năng hợp tác, rèn tính cẩn thận.                                       | Dạy học trên lớp |  |

|            |                                                                                    |                                                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                  |  |
|------------|------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|--|
| TUẦN<br>09 | <b>Bài 16: Lít (2 tiết)</b>                                                        |                                                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                  |  |
|            | 43                                                                                 | Lít                                                                    | HS nhận biết, cảm nhận về dung tích (so sánh lượng nước chứa trong đồ vật), về biểu tượng đơn vị đo lít.<br>Biết đọc, viết đơn vị đo lít.<br>Phát triển năng lực tính toán.<br>Phát triển kỹ năng hợp tác, rèn tính cẩn thận.                                                                                                                                                                                  | Dạy học trên lớp |  |
|            | 44                                                                                 | Luyện tập                                                              | HS làm quen với phép tính cộng, trừ với số đo dung tích lít (l).<br>Vận dụng giải bài tập, bài toán thực tế liên quan các phép tính đó.<br>Phát triển năng lực tính toán, kỹ năng so sánh số.<br>Phát triển kỹ năng hợp tác, rèn tính cẩn thận.                                                                                                                                                                | Dạy học trên lớp |  |
|            | <b>Bài 17: Thực hành và trải nghiệm với các đơn vị Ki - lô - gam, Lít (2 tiết)</b> |                                                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                  |  |
|            | 45                                                                                 | Thực hành và trải nghiệm với các đơn vị Ki - lô - gam, Lít             | Giới thiệu các loại cân thông dụng và cách sử dụng mỗi loại cân đó để cân các đồ vật theo đơn vị ki - lô - gam.<br>Giới thiệu ca 1l, chai 1l và cách sử dụng để đong, đo dung tích ở các đồ vật theo đơn vị lít.<br>Vận dụng thực hành cân nặng, đong, đo lượng nước vào một số bài toán trong thực tế<br>Phát triển năng lực tính toán, kỹ năng so sánh số.<br>Phát triển kỹ năng hợp tác, rèn tính cẩn thận. | Dạy học trên lớp |  |
|            | 46                                                                                 | Thực hành và trải nghiệm với các đơn vị Ki - lô - gam, Lít (tiếp theo) | Học sinh sử dụng được cân bàn đồng hồ để cân một số vật, cân sức khỏe.<br>Biết sử dụng ca 1l, cốc để đo lượng nước (dung tích) từ đó vận dụng vào giải các bài toán thực tế (liên quan đến kg, lít).<br>Phát triển năng lực giao tiếp toán học<br>Năng lực hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề toán học thông qua sử dụng công cụ và                                                                           | Dạy học trên lớp |  |

|            |                                                                                  |                                                                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                  |  |
|------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|--|
| TUẦN<br>10 |                                                                                  |                                                                 | phương tiện học toán.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |                  |  |
|            | <b>Bài 18: Luyện tập chung (1 tiết)</b>                                          |                                                                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                  |  |
|            | 47                                                                               | <b>Luyện tập chung</b>                                          | <p>Nhận biết, cảm nhận được về khối lượng, dung tích; thực hiện được các phép tính cộng trừ với số đo khối lượng (kg) và số đo dung tích (l).</p> <p>Vận dụng giải các bài tập, các bài toán thực tế liên quan đến các đơn vị đo ki – lô – gam và lít.</p> <p>Phát triển năng lực giao tiếp toán học</p> <p>Năng lực hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề, phân tích tình huống.</p>                                          | Dạy học trên lớp |  |
|            | <b>CHỦ ĐỀ 4: PHÉP CỘNG, PHÉP TRỪ CÓ NHỚ TRONG PHẠM VI 100</b>                    |                                                                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                  |  |
|            | <b>Bài 19: Phép cộng (có nhớ) số có hai chữ số với số có một chữ số (3 tiết)</b> |                                                                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                  |  |
|            | 48                                                                               | <b>Phép cộng (có nhớ) số có hai chữ số với số có một chữ số</b> | <p>Thực hiện được phép cộng (có nhớ) số có hai chữ số với số có một chữ số.</p> <p>+ Đặt tính theo cột dọc</p> <p>+ Tính từ phải sang trái, lưu ý khi cộng hai số đơn vị thì nhớ 1 chục vào số chục của số hạng thứ nhất.</p> <p>Giải được các bài toán thực tế liên quan đến phép cộng đã học.</p> <p>Phát triển năng lực giao tiếp toán học</p> <p>Năng lực hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề, phân tích tình huống.</p> | Dạy học trên lớp |  |
|            | 49                                                                               | <b>Luyện tập</b>                                                | <p>Thực hiện được phép cộng (có nhớ) số có hai chữ số với số có một chữ số.</p> <p>+ Đặt tính theo cột dọc</p> <p>+ Tính từ phải sang trái, lưu ý khi cộng hai số đơn vị thì nhớ 1 chục vào số chục của số hạng thứ nhất.</p> <p>-Giải được các bài toán thực tế liên quan đến phép cộng đã học.</p> <p>Phát triển năng lực giao tiếp toán học</p>                                                                           | Dạy học trên lớp |  |

|                |                                                                                  |                                                                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                  |  |
|----------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|--|
|                |                                                                                  |                                                                 | Năng lực hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề, phân tích tình huống                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                  |  |
|                | 50                                                                               | Luyện tập                                                       | <p>-Thực hiện được phép cộng (có nhớ) số có hai chữ số với số có một chữ số.</p> <p>+ Đặt tính theo cột dọc</p> <p>+ Tính từ phải sang trái, lưu ý khi cộng hai số đơn vị thì nhớ 1 chục vào số chục của số hạng thứ nhất.</p> <p>- Giải được các bài toán thực tế liên quan đến phép cộng đã học.</p> <p>Phát triển năng lực giao tiếp toán học Năng lực hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề, phân tích tình huống</p>      | Dạy học trên lớp |  |
| <b>TUẦN 11</b> | <b>Bài 20: Phép cộng (có nhớ) số có hai chữ số với số có hai chữ số (4 tiết)</b> |                                                                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                  |  |
|                | 51                                                                               | <b>Phép cộng (có nhớ) số có hai chữ số với số có hai chữ số</b> | <p>Thực hiện được phép cộng (có nhớ) số có hai chữ số với số có một chữ số.</p> <p>+ Đặt tính theo cột dọc</p> <p>+ Tính từ phải sang trái, lưu ý khi cộng hai số đơn vị thì nhớ 1 chục vào số chục của số hạng thứ nhất.</p> <p>Giải được các bài toán thực tế liên quan đến phép cộng đã học.</p> <p>Phát triển năng lực giao tiếp toán học</p> <p>Năng lực hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề, phân tích tình huống.</p> | Dạy học trên lớp |  |
|                | 52                                                                               | Luyện tập                                                       | <p>HS thực hiện được cách đặt tính, tính phép cộng có nhớ số có 2 chữ số với số có 2 chữ số</p> <p>Áp dụng cộng có nhớ với đơn vị đo</p> <p>Phát triển năng lực tính toán</p> <p>Phát triển kĩ năng hợp tác, rèn tính cẩn thận.</p>                                                                                                                                                                                          | Dạy học trên lớp |  |
|                | 53                                                                               | Luyện tập                                                       | <p>HS thực hiện được cách đặt tính, tính phép cộng có nhớ số có 2 chữ số với số có 2 chữ số</p> <p>Áp dụng cộng có nhớ với đơn vị đo</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Dạy học trên lớp |  |

|            |                                                                                 |                                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                  |  |
|------------|---------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|--|
|            |                                                                                 |                                                         | Phát triển năng lực tính toán<br>Phát triển kĩ năng hợp tác, rèn tính cẩn thận.                                                                                                                                                                                                                                   |                  |  |
|            | 54                                                                              | Luyện tập                                               | HS thực hiện được cách đặt tính, tính phép cộng có nhớ số có 2 chữ số với số có 2 chữ số<br>Áp dụng cộng có nhớ trong giải toán lời văn<br>Phát triển năng lực tính toán<br>Phát triển kĩ năng hợp tác, rèn tính cẩn thận.                                                                                        | Dạy học trên lớp |  |
|            | <b>Bài 21: Luyện tập chung (2 tiết)</b>                                         |                                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                  |  |
|            | 55                                                                              | Luyện tập                                               | HS thực hiện được cách đặt tính, tính phép cộng có nhớ số có 2 chữ số với số có 2 chữ số<br>Áp dụng cộng có nhớ trong giải toán lời văn<br>Phát triển năng lực tính toán<br>Phát triển kĩ năng hợp tác, rèn tính cẩn thận.                                                                                        | Dạy học trên lớp |  |
|            | 56                                                                              | Luyện tập                                               | Củng cố cho HS kĩ năng thực hiện phép cộng (có nhớ) số có hai chữ số với số có một chữ số hoặc với số có hai chữ số.<br>Vận dụng vào giải toán có lời văn.<br>Phát triển năng lực tính toán.<br>Phát triển kĩ năng hợp tác, rèn tính cẩn thận khi trình bày bài.                                                  | Dạy học trên lớp |  |
| TUẦN<br>12 | <b>Bài 22: Phép trừ (có nhớ) số có hai chữ số với số có một chữ số (4 tiết)</b> |                                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                  |  |
|            | 57                                                                              | Phép trừ (có nhớ) số có hai chữ số với số có một chữ số | Thực hiện phép trừ (có nhớ) số có hai chữ số với số có một chữ số.<br>Nhận biết được ý nghĩa thực tiễn của phép trừ thông qua tranh vẽ, hình ảnh.<br>Giải bài toán bằng một phép tính liên quan.<br>Phát triển năng lực tính toán.<br>Phát triển năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tư duy và lý luận toán học. | Dạy học trên lớp |  |
|            | 58                                                                              | Luyện tập                                               | Củng cố cho HS kĩ năng thực hiện phép trừ (có nhớ) số có hai chữ số với số có một chữ số hoặc với số có hai chữ số.<br>Vận dụng vào giải toán vào thực tế.                                                                                                                                                        | Dạy học trên lớp |  |

|            |                                                                                 |                                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                  |  |
|------------|---------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|--|
|            |                                                                                 |                                                         | Phát triển năng lực tính toán.<br>Phát triển kĩ năng hợp tác, rèn tính cẩn thận khi trình bày bài.                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                  |  |
|            | 59                                                                              | Luyện tập                                               | Củng cố cho HS kĩ năng thực hiện phép trừ (có nhớ) số có hai chữ số với số có một chữ số hoặc với số có hai chữ số.<br>Ôn tập về tính nhẩm các số tròn chục.<br>Tính toán với đơn vị đo khối lượng ki lô gam.<br>Vận dụng vào giải toán vào thực tế.<br>Phát triển năng lực tính toán.<br>Phát triển kĩ năng hợp tác, rèn tính cẩn thận khi trình bày bài.                                              | Dạy học trên lớp |  |
|            | 60                                                                              | Luyện tập                                               | Ôn tập củng cố cho HS kĩ năng thực hiện phép trừ (có nhớ) số có hai chữ số với số có một chữ số hoặc với số có hai chữ số.<br>Ôn tập về thành phần phép trừ.<br>Tính toán với đơn vị đo khối lượng ki lô gam.<br>Vận dụng vào giải toán vào thực tế.<br>Phát triển năng lực tính toán.<br>Phát triển kĩ năng hợp tác, rèn tính cẩn thận khi trình bày bài.                                              | Dạy học trên lớp |  |
| TUẦN<br>13 | <b>Bài 23: Phép trừ (có nhớ) số có hai chữ số với số có hai chữ số (5 tiết)</b> |                                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                  |  |
|            | 61                                                                              | Phép trừ (có nhớ) số có hai chữ số với số có hai chữ số | HS thực hiện được phép trừ (có nhớ) số có hai chữ số cho số có hai chữ số.<br>Nhận biết được ý nghĩa thực hiện của phép trừ thông qua tranh ảnh, hình vẽ hoặc tình huống thực tiễn.<br>Giải quyết được một số vấn đề gắn với việc giải quyết các bài tập có một bước tính trong phạm vi các số và phép tính đã học.<br>Phát triển năng lực tính toán.<br>Phát triển kĩ năng hợp tác, rèn tính cẩn thận. | Dạy học trên lớp |  |
|            | 62                                                                              | Luyện tập                                               | Ôn Tập, củng cố kiến thức về phép trừ (có                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Dạy học trên lớp |  |

|  |    |           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                  |  |
|--|----|-----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|--|
|  |    |           | <p>nhớ) số có hai chữ số cho số có hai chữ số; đồng thời ôn tập về so sánh và tính toán với đơn vị đo khối lượng ki-lô-gam; vận dụng vào giải các bài toán thực tế.</p> <p>Giải quyết được một số vấn đề gắn với việc giải quyết các bài tập có một bước tính trong phạm vi các số và phép tính đã học.</p> <p>Phát triển năng lực tính toán, kỹ năng so sánh số.</p> <p>Phát triển kỹ năng hợp tác, rèn tính cẩn thận</p> |                  |  |
|  | 63 | Luyện tập | <p>Ôn tập, củng cố kiến thức về phép trừ (có nhớ) số có hai chữ số cho số có hai chữ số.</p> <p>Ôn tập về so sánh số, hình khối và đơn vị đo dung tích lít; vận dụng vào giải các bài toán thực tế.</p> <p>Phát triển năng lực tính toán, kỹ năng so sánh số.</p> <p>Phát triển kỹ năng hợp tác, rèn tính cẩn thận.</p>                                                                                                    | Dạy học trên lớp |  |
|  | 64 | Luyện tập | <p>Ôn Tập, củng cố kiến thức về phép trừ (có nhớ) số có hai chữ số cho số có hai chữ số; đồng thời ôn tập về thực hiện tính toán trường hợp có hai dấu phép tính. vận dụng vào giải các bài toán thực tế.</p> <p>Phát triển năng lực tính toán, kỹ năng so sánh số.</p> <p>Phát triển kỹ năng hợp tác, rèn tính cẩn thận.</p>                                                                                              | Dạy học trên lớp |  |
|  | 65 | Luyện tập | <p>Ôn Tập, củng cố kiến thức về phép trừ (có nhớ) số có hai chữ số cho số có hai chữ số.</p> <p>Ôn tập về các thành phần của phép trừ và so sánh số; vận dụng vào giải các bài toán thực tế. Phát triển năng lực tính toán, kỹ năng so sánh số.</p> <p>Phát triển kỹ năng hợp tác, rèn tính cẩn thận.</p>                                                                                                                  | Dạy học trên lớp |  |

|            |                                                                                       |                                             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                  |  |
|------------|---------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|--|
| TUẦN<br>14 | <b>Bài 24: Luyện tập chung (2 tiết)</b>                                               |                                             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                  |  |
|            | 66                                                                                    | Luyện tập                                   | <p>Ôn tập, củng cố kiến thức về phép trừ (có nhớ) số có hai chữ số cho số có hai chữ số hoặc cho số có một chữ số; ôn tập về so sánh số; vận dụng vào giải các bài toán thực tế.</p> <p>Hình thành và phát triển các năng lực: tư duy và lập luận toán học, giao tiếp toán học, sử dụng phương tiện và công cụ học toán, tính toán</p>                                                               | Dạy học trên lớp |  |
|            | 67                                                                                    | Luyện tập                                   | <p>Ôn tập, củng cố kiến thức về phép trừ (có nhớ) số có hai chữ số cho số có hai chữ số hoặc cho số có một chữ số; ôn tập về thực hiện tính toán trường hợp có hai dấu phép tính; vận dụng vào giải các bài toán thực tế và tổ chức trò chơi.</p> <p>Hình thành và phát triển các năng lực: tư duy và lập luận toán học, giao tiếp toán học, sử dụng phương tiện và công cụ học toán, tính toán.</p> | Dạy học trên lớp |  |
|            | <b>CHỦ ĐỀ 5: LÀM QUEN VỚI HÌNH PHẪNG</b>                                              |                                             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                  |  |
|            | <b>Bài 25: Điểm, đoạn thẳng, đường thẳng, đường cong, ba điểm thẳng hàng (2 tiết)</b> |                                             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                  |  |
|            | 68                                                                                    | Điểm, đoạn thẳng                            | <p>Nhận biết được điểm, đoạn thẳng thông qua hình ảnh trực quan.</p> <p>Đọc tên điểm, đoạn thẳng cho trước. Nhận dạng điểm, đoạn thẳng trong thực tế.</p> <p>Đo độ dài đoạn thẳng cho trước.</p> <p>Phát triển các năng lực: Giao tiếp toán học, Sử dụng phương tiện và công cụ học toán, Giao tiếp và hợp tác.</p>                                                                                  | Dạy học trên lớp |  |
|            | 69                                                                                    | Đường thẳng, đường cong, ba điểm thẳng hàng | <p>Nhận biết được đường thẳng, đường cong, ba điểm thẳng hàng qua hình ảnh trực quan.</p> <p>Gọi tên đường thẳng, đường cong, nhóm ba điểm thẳng hàng trong hình vẽ cho trước.</p> <p>Nhận dạng đường thẳng, đường cong, ba điểm</p>                                                                                                                                                                 | Dạy học trên lớp |  |

|                    |                                                                           |                                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |                  |  |
|--------------------|---------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|--|
|                    |                                                                           |                                               | thẳng hàng trong thực tế.<br>Phát triển các năng lực: Giao tiếp toán học,<br>Giao tiếp và hợp tác.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                  |  |
|                    | <b>Bài 26: Đường gấp khúc. Hình tứ giác (2 tiết)</b>                      |                                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |                  |  |
|                    | 70                                                                        | <b>Đường gấp khúc.<br/>Hình tứ giác</b>       | Nhận biết được đường gấp khúc thông qua hình ảnh trực quan; tính được độ dài đường gấp khúc khi biết độ dài các đoạn thẳng của nó.<br>Nhận dạng được hình tứ giác thông qua việc sử dụng bộ đồ dùng học toán hoặc thông qua vật thật.<br>Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn đơn giản liên quan đến các hình đã học.<br>Phát triển các năng lực: Giao tiếp toán học, mô hình hóa toán học.                                                                                                                                                                                           | Dạy học trên lớp |  |
| <b>TUẦN<br/>15</b> | 71                                                                        | <b>Luyện tập</b>                              | Ôn tập về điểm, đoạn thẳng, đường thẳng, đường cong, đường gấp khúc, ba điểm thẳng hàng thông qua hình ảnh trực quan.<br>Củng cố cách nhận dạng được hình tứ giác thông qua hình ảnh.<br>Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn liên quan đến ba điểm thẳng hàng, tính độ dài đường gấp khúc.<br>Qua hoạt động quan sát, nhận biết hình ảnh ba điểm thẳng hàng, đường gấp khúc trong thực tế, HS bước đầu hình thành năng lực mô hình hóa toán học.<br>Qua hoạt động diễn đạt, trả lời câu hỏi (bằng cách nói hoặc viết) mà GV đặt ra sẽ giúp HS phát triển năng lực giao tiếp toán học | Dạy học trên lớp |  |
|                    | <b>Bài 27: Thực hành gấp, cắt, ghép, xếp hình. Vẽ đoạn thẳng (2 tiết)</b> |                                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |                  |  |
|                    | 72                                                                        | <b>Thực hành gấp,<br/>cắt, ghép, xếp hình</b> |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Dạy học trên lớp |  |

|                    |                                                       |                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                         |  |
|--------------------|-------------------------------------------------------|-------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|--|
|                    | <b>73</b>                                             | <b>Vẽ đoạn thẳng</b>          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | <b>Dạy học trên lớp</b> |  |
|                    | <b>Bài 28: Luyện tập chung (1 tiết)</b>               |                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                         |  |
|                    | <b>74</b>                                             | <b>Luyện tập</b>              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                         |  |
|                    | <b>CHỦ ĐỀ 6: NGÀY - GIỜ, GIỜ - PHÚT, NGÀY – THÁNG</b> |                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                         |  |
|                    | <b>Bài 29: Ngày - giờ, giờ - phút (2 tiết)</b>        |                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                         |  |
|                    | <b>75</b>                                             | <b>Ngày - giờ, giờ - phút</b> | Biết được một ngày có 24 giờ, 1 giờ có 60 phút.<br>24 giờ trong một ngày được tính từ 12 giờ đêm hôm trước đến 12 giờ đêm hôm sau.<br>Biết tên buổi và và tên gọi các giờ tương ứng trong ngày.<br>Biết xem giờ đúng trên đồng hồ. Nhận biết thời điểm, khoảng thời gian các buổi sáng, trưa, chiều, tối.<br>Hiểu biết về sử dụng thời gian trong đời sống thực tế hằng ngày.<br>Phát triển năng lực xem giờ trên đồng hồ.<br>Nhận biết thời điểm, khoảng thời gian các buổi sáng, trưa, chiều, tối.<br>Phát triển kĩ năng hợp tác, rèn tính cẩn thận | <b>Dạy học trên lớp</b> |  |
| <b>TUẦN<br/>16</b> | <b>76</b>                                             | <b>Xem đồng hồ</b>            | HS đọc được giờ trên đồng hồ khi kim dài (kim phút) chỉ số 3 và số 6.<br>Phát triển năng lực giao tiếp toán học, năng lực tư duy và lập luận, năng lực giải quyết vấn đề.<br>Phát triển kĩ năng hợp tác, rèn tính cẩn thận                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | <b>Dạy học trên lớp</b> |  |
|                    | <b>Bài 30: Ngày - tháng (2 tiết)</b>                  |                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                         |  |
|                    | <b>77</b>                                             | <b>Ngày - tháng</b>           | HS nhận biết được số ngày trong tháng.<br>Nhận biết được ngày trong tháng thông qua tờ lịch tháng<br>Phát triển năng lực tự chủ và tự học, giải quyết vấn đề và sáng tạo, tư duy và lập luận toán học.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | <b>Dạy học trên lớp</b> |  |

|                                                                          |                                                            |  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                  |  |
|--------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|--|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|--|
|                                                                          |                                                            |  | Phát triển kỹ năng giao tiếp toán học, rèn tính cẩn thận, gọn gàng, khoa học.                                                                                                                                                                                                                                                              |                  |  |
| 78                                                                       | Luyện tập                                                  |  | Củng cố kỹ năng đọc, tìm hiểu tờ lịch tháng<br>Phát triển năng lực giao tiếp toán học, năng lực tư duy và lập luận, năng lực giải quyết vấn đề.<br>Phát triển kỹ năng hợp tác, rèn tính cẩn thận.                                                                                                                                          | Dạy học trên lớp |  |
| <b>Bài 31: Thực hành và trải nghiệm xem đồng hồ, xem lịch (2 tiết)</b>   |                                                            |  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                  |  |
| 79                                                                       | Thực hành và trải nghiệm xem đồng hồ, xem lịch             |  | Đọc được giờ trên đồng hồ khi kim dài (kim phút) chỉ số 3, số 6<br>Phát triển năng lực quan sát, kỹ năng so sánh số.<br>Phát triển kỹ năng hợp tác, rèn tính cẩn thận.                                                                                                                                                                     | Dạy học trên lớp |  |
| 80                                                                       | Thực hành và trải nghiệm xem đồng hồ, xem lịch (tiếp theo) |  | Thực hành đọc giờ trên đồng hồ khi kim dài(kim phút) chỉ số 12, số 3, số 6<br>Nhận biết được số ngày trong tháng, ngày trong tháng thông qua tờ lịch tháng<br>Thực hành sắp xếp thời gian biểu học tập và sinh hoạt của cá nhân<br>Phát triển năng lực giao tiếp toán học.<br>Phát triển kỹ năng lực giải quyết vấn đề, rèn tính cẩn thận. | Dạy học trên lớp |  |
| <b>Bài 32: Luyện tập chung (1 tiết)</b>                                  |                                                            |  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                  |  |
| 81                                                                       | Luyện tập                                                  |  | HS nhận biết được ngày – tháng, ngày – giờ, giờ - phút; đọc được giờ đồng hồ trong các trường hợp đã học.<br>HS biết xem tờ lịch tháng.<br>Phát triển kỹ năng hợp tác, rèn tính cẩn thận.                                                                                                                                                  | Dạy học trên lớp |  |
| <b>CHỦ ĐỀ 7: ÔN TẬP HỌC KÌ I</b>                                         |                                                            |  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                  |  |
| <b>Bài 33: Ôn tập phép cộng, phép trừ trong phạm vi 20, 100 (4 tiết)</b> |                                                            |  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                  |  |
| 82                                                                       | Ôn tập phép cộng, phép trừ trong phạm vi 20                |  | Ôn tập, củng cố kiến thức, kỹ năng về phép cộng, phép trừ trong phạm vi 20.<br>Vận dụng, giải các bài toán thực tế liên quan                                                                                                                                                                                                               | Dạy học trên lớp |  |

|                    |                                           |                                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                  |  |
|--------------------|-------------------------------------------|-----------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|--|
| <b>TUẦN<br/>17</b> |                                           |                                                     | đến phép cộng, phép trừ đã học.<br>Phát triển năng lực tính toán.<br>Phát triển kĩ năng hợp tác, rèn tính cẩn thận.                                                                                                                                                                                                                  |                  |  |
|                    | <b>83</b>                                 | <b>Luyện tập</b>                                    | Ôn tập, củng cố kiến thức, kĩ năng về phép cộng, phép trừ trong phạm vi 20.<br>Vận dụng, giải các bài toán thực tế liên quan đến phép cộng, phép trừ đã học.<br>Phát triển năng lực tính toán.<br>Phát triển kĩ năng hợp tác, rèn tính cẩn thận.                                                                                     | Dạy học trên lớp |  |
|                    | <b>84</b>                                 | <b>Ôn tập phép cộng, phép trừ trong phạm vi 100</b> | Ôn tập, củng cố kiến thức, kĩ năng về phép cộng, phép trừ (có nhớ) trong phạm vi 100.<br>Vận dụng, giải các bài toán thực tế liên quan đến phép cộng, phép trừ đã học.<br>Phát triển năng lực tự giải quyết vấn đề.<br>Phát triển kĩ năng hợp tác, rèn tính cẩn thận.                                                                | Dạy học trên lớp |  |
|                    | <b>85</b>                                 | <b>Luyện tập</b>                                    | Ôn tập, củng cố kiến thức, kĩ năng về phép cộng, phép trừ (có nhớ) trong phạm vi 100.<br>Vận dụng, giải các bài toán thực tế liên quan đến phép cộng, phép trừ đã học.<br>Phát triển năng lực tự giải quyết vấn đề, năng lực tính toán.<br>Phát triển kĩ năng hợp tác, rèn tính cẩn thận.                                            | Dạy học trên lớp |  |
|                    | <b>Bài 34: Ôn tập hình phẳng (2 tiết)</b> |                                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                  |  |
|                    | <b>86</b>                                 | <b>Luyện tập</b>                                    | Nhận dạng được hình tứ giác, đoạn thẳng, ba điểm thẳng hàng<br>Đo được độ dài đoạn thẳng nhận biết được đoạn thẳng dài nhất, đoạn thẳng ngắn nhất.<br>Vẽ được hình vuông, hình chữ nhật, hình tứ giác trên giấy ôli.<br>Qua thực hành luyện tập sẽ phát triển năng lực tư duy và lập luận<br>Phát triển năng lực giao tiếp toán học. | Dạy học trên lớp |  |
|                    | <b>87</b>                                 | <b>Luyện tập</b>                                    | Tính được độ dài đường gấp khúc                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Dạy học trên lớp |  |

|  |                                         |                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |                  |  |
|--|-----------------------------------------|------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|--|
|  |                                         |                  | <p>Chia được hình đã cho thành các hình tam giác như nhau và đếm được số hình tam giác đó.</p> <p>Biết phân tích tổng hợp hình nhận ra quy luật sắp xếp các hình.</p> <p>Qua thực hành luyện tập sẽ phát triển năng lực tư duy và lập luận</p> <p>Phát triển năng lực giao tiếp toán học.</p>                                                                                                                               |                  |  |
|  | <b>Bài 35: Ôn tập đo lường (2 tiết)</b> |                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |                  |  |
|  | <b>88</b>                               | <b>Luyện tập</b> | <p>Ôn tập khối lượng, đơn vị đo khối lượng (kg về biểu tượng đại lượng và đơn vị đo đại lượng, thực hiện phép tính trên số đo đại lượng.</p> <p>Vận dụng giải các bài toán thực tế liên quan đến khối lượng (kg) và dung tích (l)</p> <p>Qua hoạt động giải các bài toán thực tế, có tình huống HS có năng lực giải quyết vấn đề.</p> <p>Phát triển năng lực giao tiếp toán học.</p>                                        | Dạy học trên lớp |  |
|  | <b>89</b>                               | <b>Luyện tập</b> | <p>Ôn tập củng cố, cảm nhận, nhận biết về dung tích (lượng nước chứa trong bình) về biểu tượng đơn vị đo dung tích.</p> <p>Tính được phép tính cộng trừ với số đo dung tích</p> <p>Vận dụng giải các bài toán thực tế liên quan đến dung tích và đơn vị đo dung tích (l)</p> <p>Qua hoạt động giải các bài toán thực tế, có tình huống HS có năng lực giải quyết vấn đề.</p> <p>Phát triển năng lực giao tiếp toán học.</p> | Dạy học trên lớp |  |
|  | <b>Bài 36: Ôn tập chung (2 tiết)</b>    |                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |                  |  |
|  | <b>90</b>                               | <b>Luyện tập</b> | <p>Củng cố nhận biết thứ tự các số trên tia số.</p> <p>Củng cố nhận biết ngày, tháng.</p> <p>Thực hiện được các phép tính trong phạm vi 100</p>                                                                                                                                                                                                                                                                             | Dạy học trên lớp |  |

|                  |                                       |                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                  |  |
|------------------|---------------------------------------|------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|--|
|                  |                                       |                  | Thực hiện phép cộng, trừ có đơn vị là cm, kg, l<br>Qua thực hành luyện tập sẽ phát triển năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực giao tiếp và hợp tác.<br>Qua giải bài toán thực tế sẽ phát triển năng lực giải quyết vấn đề.                                                                                                                                                                  |                  |  |
|                  | <b>90</b>                             | <b>Luyện tập</b> | Thực hiện được phép cộng, phép trừ trong phạm vi 100.<br>Thực hiện được phép cộng số đo với đơn vị là kg, l<br>Xem được giờ trên đồng hồ. Tính được độ dài đường gấp khúc.<br>giải được bài toán đơn có nội dung thực tế liên quan đến phép tính đã học.<br>Phát triển năng lực tư duy và lập luận toán học, phát triển năng lực giải quyết vấn đề.<br>Phát triển kĩ năng hợp tác, rèn tính cẩn thận. | Phụ đạo          |  |
| <b>HỌC KÌ II</b> |                                       |                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                  |  |
| <b>TUẦN</b>      | <b>CHỦ ĐỀ 8: PHÉP NHÂN, PHÉP CHIA</b> |                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                  |  |
|                  | <b>Bài 37: Phép nhân (2 tiết)</b>     |                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                  |  |
|                  | <b>91</b>                             | <b>Phép nhân</b> | Nhận biết khái niệm ban đầu về phép nhân; đọc, viết phép nhân.<br>Tính được phép nhân đơn giản dựa vào tổng các số hạng bằng nhau.<br>Vận dụng vào giải một số bài toán có liên quan đến phép nhân.<br>Phát triển năng lực giải quyết vấn đề, Năng lực giao tiếp toán học.<br>Phát triển kĩ năng hợp tác, rèn tính cẩn thận.                                                                          | Dạy học trên lớp |  |
|                  | <b>92</b>                             | <b>Luyện tập</b> | Củng cố khái niệm ban đầu về phép nhân; chuyển phép nhân thành các số hạng bằng nhau và ngược lại.                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Dạy học trên lớp |  |

|    |                                       |                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                             |                  |  |
|----|---------------------------------------|----------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|--|
| 19 |                                       |                      | Vận dụng vào giải bài toán thực tế.<br>Phát triển năng lực giải quyết vấn đề, Năng lực giao tiếp toán học.<br>Phát triển kỹ năng hợp tác, rèn tính cẩn thận.                                                                                                                                |                  |  |
|    | <b>Bài 38: Thừa số, tích (2 tiết)</b> |                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                             |                  |  |
|    | 93                                    | <b>Thừa số, tích</b> | Nhận biết được thừa số và tích trong phép nhân.<br>Tính được tích khi biết các thừa số.<br>Vận dụng giải các bài toán thực tế liên quan đến ý nghĩa của phép nhân.<br>Phát triển năng lực giải quyết vấn đề, Năng lực giao tiếp toán học.<br>Phát triển kỹ năng hợp tác, rèn tính cẩn thận. | Dạy học trên lớp |  |
|    | 94                                    | <b>Luyện tập</b>     | Củng cố ý nghĩa của phép nhân; nhận biết thừa số, tích của phép nhân.<br>Tích được tích khi biết các thừa số.<br>Vận dụng so sánh hai số. Giải bài toán liên quan đến phép nhân.<br>Phát triển năng lực tính toán, kỹ năng so sánh số.<br>Phát triển kỹ năng hợp tác, rèn tính cẩn thận.    | Dạy học trên lớp |  |
|    | <b>Bài 39: Bảng nhân 2 (2 tiết)</b>   |                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                             |                  |  |
|    | 95                                    | <b>Bảng nhân 2</b>   | HS hình thành được bảng nhân 2, biết đếm thêm 2.<br>Vận dụng vào tính nhẩm, giải bài tập, bài toán thực tế<br>Phát triển năng lực tính toán.<br>Phát triển kỹ năng hợp tác, rèn tính cẩn thận.                                                                                              | Dạy học trên lớp |  |
|    | 96                                    | <b>Luyện tập</b>     | HS củng cố bảng nhân 2, vận dụng tính nhẩm. Thực hiện tính trong trường hợp có 2 dấu phép tính. Biết đếm cách đều 2, vận dụng giải toán thực tế.                                                                                                                                            | Dạy học trên lớp |  |

|            |                                     |                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                  |  |
|------------|-------------------------------------|--------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|--|
| TUẦN<br>20 |                                     |                    | Phát triển năng lực tính toán, kĩ năng tính nhẩm.<br>Phát triển kĩ năng hợp tác, rèn tính cẩn thận.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                  |  |
|            | <b>Bài 40: Bảng nhân 5 (2 tiết)</b> |                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                  |  |
|            | 97                                  | <b>Bảng nhân 5</b> | HS hình thành được bảng nhân 5, biết đếm thêm 5.<br>Vận dụng vào tính nhẩm, giải bài tập, bài toán thực tế<br>Phát triển năng lực tính toán.<br>Phát triển kĩ năng hợp tác, rèn tính cẩn thận.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Dạy học trên lớp |  |
|            | 98                                  | <b>Luyện tập</b>   | HS củng cố bảng nhân 5, vận dụng tính nhẩm.<br>Thực hiện tính trong trường hợp có 5 dấu phép tính. Biết đếm cách đều 5, vận dụng giải toán thực tế.<br>Phát triển năng lực tính toán, kĩ năng tính nhẩm.<br>Phát triển kĩ năng hợp tác, rèn tính cẩn thận.                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Dạy học trên lớp |  |
|            | <b>Bài 41: Phép chia (2 tiết)</b>   |                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                  |  |
|            | 99                                  | <b>Phép chia</b>   | HS nhận biết khái niệm ban đầu về phép chia, đọc, viết phép chia.<br>Hs biết từ một phép nhân viết được 2 phép tính chia tương ứng, từ đó tính được một số phép chia đơn giản dựa vào phép nhân tương ứng.<br>Vận dụng giải một số bài tập về phép nhân, chia với số đo đại lượng, giải bài toán thực tế liên quan đến phép nhân, phép chia.<br>Phát triển năng lực tính toán, giải các bài toán thực tế có lời văn.<br>HS phát triển năng lực giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp toán học.<br>Phát triển kĩ năng hợp tác, rèn tính cẩn thận. | Dạy học trên lớp |  |
|            | 100                                 | <b>Luyện tập</b>   | Củng cố ý nghĩa phép chia, tính phép chia từ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Dạy học trên lớp |  |

|                    |                                                     |                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                  |  |
|--------------------|-----------------------------------------------------|-------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|--|
|                    |                                                     |                                     | phép nhân tương ứng, thực hiện phép nhân, phép chia với số đo đại lượng, vận dụng vào giải bài toán thực tế (có lời văn) liên quan đến phép chia.<br>Phát triển năng lực giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp toán học.                                                                                                   |                  |  |
| <b>TUẦN<br/>21</b> | <b>Bài 42: Số bị chia, số chia, thương (2 tiết)</b> |                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                  |  |
|                    | <b>101</b>                                          | <b>Số bị chia, số chia, thương.</b> | Nhận biết được số bị chia, số chia, thương trong phép chia.<br>Tính được thương khi biết được số bị chia, số chia.<br>Vận dụng vào bài toán thực tế liên quan đến phép chia.<br>Phát triển năng lực giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp toán học.                                                                        | Dạy học trên lớp |  |
|                    | <b>102</b>                                          | <b>Luyện tập</b>                    | Củng cố nhận biết của số bị chia, số chia, thương của phép chia.<br>Biết cách tìm thương khi biết số bị chia, số chia.<br>Lập được phép tính chia khi biết số bị chia, số chia, thương tương ứng.<br>Phát triển năng lực giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp toán học.<br>Phát triển kỹ năng hợp tác, rèn tính cẩn thận. | Dạy học trên lớp |  |
|                    | <b>Bài 43: Bảng chia 2 (2 tiết)</b>                 |                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                  |  |
|                    | <b>103</b>                                          | <b>Bảng chia 2</b>                  | Biết hình thành bảng chia 2 từ bảng nhân 2, viết đọc được bảng chia 2.<br>Vận dụng được bảng chia 2 để tính nhẩm.<br>Giải được một số bài tập, bài toán thực tế liên quan đến các phép chia ở bảng chia 2.<br>Phát triển năng lực giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp toán học.                                          | Dạy học trên lớp |  |
|                    | <b>104</b>                                          | <b>Luyện tập</b>                    | Củng cố bảng nhân 2, bảng chia 2.                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Dạy học trên lớp |  |

|            |                                         |                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                  |  |
|------------|-----------------------------------------|--------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|--|
| TUẦN<br>22 |                                         |                    | Củng cố thực hiện tính trường hợp có 2 hoặc 3 dấu phép tính.<br>Vận dụng tính nhẩm và giải toán có lời văn.<br>Phát triển năng lực giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp toán học.<br>Phát triển kỹ năng hợp tác, rèn tính cẩn thận.                                                         |                  |  |
|            | <b>Bài 44: Bảng chia 5 (2 tiết)</b>     |                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                  |  |
|            | 105                                     | <b>Bảng chia 5</b> | Biết hình thành bảng chia 5 từ bảng nhân 5; viết, đọc được bảng nhân 5.<br>Vận dụng tính nhẩm (dựa vào bảng chia 5).<br>Giải một số bài tập, bài toán thực tế liên quan đến các phép chia ở bảng chia 5.<br>Phát triển năng lực tính toán.<br>Phát triển kỹ năng hợp tác, rèn tính cẩn thận. | Dạy học trên lớp |  |
|            | 106                                     | <b>Luyện tập</b>   | HS củng cố lại bảng chia 2, bảng chia 5.<br>Làm được các bài toán giải có tình huống thực tế<br>Phát triển năng lực tính toán, kỹ năng tính nhẩm<br>Phát triển kỹ năng hợp tác, rèn tính cẩn thận.                                                                                           | Dạy học trên lớp |  |
|            | <b>Bài 45: Luyện tập chung (5 tiết)</b> |                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                  |  |
|            | 107                                     | <b>Luyện tập</b>   | HS thực hiện được phép tính liên quan đến phép nhân, phép chia đã học.<br>Giải được bài toán có lời văn liên quan đến phép nhân, phép chia đã học.<br>Phát triển năng lực tính toán, tư duy và lập luận toán học<br>Phát triển kỹ năng hợp tác, rèn tính cẩn thận                            | Dạy học trên lớp |  |
|            | 108                                     | <b>Luyện tập</b>   | HS thực hiện được phép tính liên quan đến phép nhân, phép chia đã học.<br>Giải được bài toán có lời văn liên quan đến phép nhân, phép chia đã học.<br>Phát triển năng lực tính toán, tư duy và lập                                                                                           | Dạy học trên lớp |  |

|            |                                            |                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |                  |  |
|------------|--------------------------------------------|--------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|--|
|            |                                            |                    | luận toán học<br>Phát triển kỹ năng hợp tác, rèn tính cẩn thận.                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |                  |  |
|            | 109                                        | Luyện tập          | HS thực hiện được phép tính liên quan đến phép nhân, phép chia đã học.<br>Tìm được số thích hợp trong phép nhân với 1, phép chia có thương bằng 1 dựa vào bảng nhân, bảng chia.<br>Giải được bài toán có lời văn liên quan đến phép nhân, phép chia đã học.<br>Phát triển năng lực tính toán, tư duy và lập luận toán học<br>Phát triển kỹ năng hợp tác, rèn tính cẩn thận. | Dạy học trên lớp |  |
|            | 110                                        | Luyện tập          | Củng cố mối quan hệ giữa phép nhân và phép chia; thực hiện được phép nhân, phép chia; giải được bài toán đơn (một bước tính) có nội dung thực tế liên quan đến phép nhân.<br>Phát triển năng lực tính toán.<br>Phát triển kỹ năng hợp tác, rèn tính cẩn thận.                                                                                                               | Dạy học trên lớp |  |
| TUẦN<br>23 | 111                                        | Luyện tập          | HS thực hiện được phép nhân, phép chia; Giải được bài toán thực tế liên quan đến phép chia<br>Phát triển năng lực tính toán, kỹ năng giải toán.<br>Phát triển kỹ năng hợp tác, rèn tính cẩn thận.                                                                                                                                                                           | Dạy học trên lớp |  |
|            | <b>CHỦ ĐỀ 9: LÀM QUEN VỚI HÌNH KHỐI</b>    |                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |                  |  |
|            | <b>Bài 46: Khối trụ, khối cầu (2 tiết)</b> |                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |                  |  |
|            | 112                                        | Khối trụ, khối cầu | Nhận dạng được khối trụ, khối cầu trong các mô hình ở bộ đồ dùng học tập và vật thật.<br>Liên hệ, nhận biết được các đồ vật gần gũi có dạng khối trụ, khối cầu.<br>Thông qua nhận dạng hình, HS phát triển năng lực quan sát, năng lực tư duy, mô hình hóa, đồng thời bước đầu phát triển trí tưởng tượng không gian.<br>Qua thực hành, luyện tập, HS phát triển được       | Dạy học trên lớp |  |

|            |                                                   |                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |                  |  |
|------------|---------------------------------------------------|---------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|--|
|            |                                                   |                           | năng lực giải quyết vấn đề .                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                  |  |
|            | 113                                               | Luyện tập                 | Củng cố khả năng nhận dạng khối trụ và khối cầu<br>Củng cố kỹ năng xử lý vấn đề trong bài toán có quy luật hình.<br>Phát triển năng lực nhận biết khối trụ, khối cầu.<br>Phát triển kỹ năng hợp tác, rèn tính cẩn thận.                                                                                                                                                     | Dạy học trên lớp |  |
|            | <b>Bài 47: Luyện tập chung (2 tiết)</b>           |                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |                  |  |
|            | 114                                               | Luyện tập                 | Củng cố khả năng nhận dạng khối trụ và khối cầu<br>Củng cố kỹ năng xếp hình với khối trụ, khối cầu, khối hộp chữ nhật; kỹ năng xử lý vấn đề qua các bài toán có quy luật hình.<br>Qua bài toán xếp hình HS phát triển năng lực mô hình hóa, phát triển trí tưởng tượng không gian<br>Qua giải quyết các bài tập HS phát triển năng lực giải quyết vấn đề, năng lực quan sát | Dạy học trên lớp |  |
|            | 115                                               | Luyện tập                 | Củng cố kỹ năng nhận dạng khối trụ và khối cầu.<br>HS được liên hệ với ứng dụng của các hình khối trong thực tế.<br>Phát triển năng lực tính toán, năng lực mô hình hóa, trí tưởng tượng không gian, kỹ năng so sánh và tính toán với số có đơn vị là ki-lô-gam.<br>Phát triển kỹ năng hợp tác, rèn tính cẩn thận.                                                          | Dạy học trên lớp |  |
| TUẦN<br>24 | <b>CHỦ ĐỀ 10: CÁC SỐ TRONG PHẠM VI 1000</b>       |                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |                  |  |
|            | <b>Bài 48: Đơn vị, chục, trăm, nghìn (2 tiết)</b> |                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |                  |  |
|            | 116                                               | Đơn vị, chục, trăm, nghìn | Giúp HS ôn tập và củng cố về quan hệ giữa đơn vị và chục, giữa chục và trăm.<br>HS nắm được đơn vị nghìn, quan hệ giữa trăm                                                                                                                                                                                                                                                 | Dạy học trên lớp |  |

|                                                             |     |                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |                  |  |
|-------------------------------------------------------------|-----|-------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|--|
|                                                             |     |                                     | và nghìn.<br>Phát triển năng lực mô hình hóa toán học.<br>Phát triển kĩ năng hợp tác, rèn tính cẩn thận.                                                                                                                                                                                                               |                  |  |
|                                                             | 117 | Luyện tập                           | Giúp HS ôn tập và củng cố kiến thức về quan hệ giữa đơn vị và chục, giữa chục và trăm, giữa trăm và nghìn.<br>Phát triển năng lực tính toán, năng lực mô hình hóa toán học.<br>Phát triển kĩ năng hợp tác, rèn tính cẩn thận.                                                                                          | Dạy học trên lớp |  |
| <b>Bài 49: Các số tròn trăm, tròn chục (2 tiết)</b>         |     |                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |                  |  |
|                                                             | 118 | Các số tròn trăm                    | Giúp HS nhận biết được, biết đọc và viết các số tròn trăm, sắp xếp thứ tự các số tròn trăm.<br>Phát triển năng lực mô hình hóa toán học.<br>Phát triển kĩ năng hợp tác, rèn tính cẩn thận                                                                                                                              | Dạy học trên lớp |  |
|                                                             | 119 | Các số tròn chục                    | Giúp HS nhận biết được, biết đọc và viết các số tròn chục, xếp thứ tự các số tròn chục.<br>Giúp HS củng cố kĩ năng ước lượng số lượng đồ vật theo số tròn chục.<br>Phát triển năng lực mô hình hóa toán học.<br>Phát triển kĩ năng hợp tác, rèn tính cẩn thận.                                                         | Dạy học trên lớp |  |
| <b>Bài 50: So sánh các số tròn trăm, tròn chục (2 tiết)</b> |     |                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |                  |  |
|                                                             | 120 | So sánh các số tròn trăm, tròn chục | HS biết và so sánh được các số tròn trăm, tròn chục.<br>Nắm được thứ tự các số tròn trăm, tròn chục; nêu được các số tròn trăm, tròn chục ứng với các vạch trên tia số; tìm số bé nhất hoặc lớn nhất trong một nhóm có bốn chữ số.<br>Phát triển năng lực tính toán.<br>Phát triển kĩ năng hợp tác, rèn tính cẩn thận. | Dạy học trên lớp |  |
|                                                             | 121 | Luyện tập                           | HS biết các so sánh các số tròn tram, tròn chục.<br>Biết sắp xếp các số tròn trăm, tròn chục theo thứ tự từ bé đến lớn và ngược lại; tìm số bé                                                                                                                                                                         | Dạy học trên lớp |  |

|            |                                                                   |                                           |                                                                                                                                                                                                                                                               |                  |  |
|------------|-------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|--|
| TUẦN<br>25 |                                                                   |                                           | nhất hoặc lớn nhất trong 4 số<br>Phát triển năng lực tính toán, kỹ năng so sánh số.<br>Phát triển kỹ năng hợp tác, rèn tính cẩn thận.                                                                                                                         |                  |  |
|            | <b>Bài 51: Số có ba chữ số (3 tiết)</b>                           |                                           |                                                                                                                                                                                                                                                               |                  |  |
|            | 122                                                               | Số có ba chữ số                           | HS đọc và viết được các số có ba chữ số<br>Củng cố về cấu tạo số của các số có ba chữ số.<br>Phát triển năng lực mô hình hóa toán học.<br>Phát triển năng lực giải quyết vấn đề<br>Phát triển năng lực giao tiếp, rèn kỹ năng hợp tác, rèn tính cẩn thận.     | Dạy học trên lớp |  |
|            | 123                                                               | Luyện tập                                 | HS đọc và viết thành thạo các số có ba chữ số.<br>Củng cố về cấu tạo của các số có ba chữ số.<br>Phát triển năng lực mô hình hóa toán học.<br>Phát triển năng lực giải quyết vấn đề<br>Phát triển năng lực giao tiếp, rèn kỹ năng hợp tác, rèn tính cẩn thận. | Dạy học trên lớp |  |
|            | 124                                                               | Luyện tập                                 | HS đọc và viết thành thạo các số có ba chữ số.<br>Củng cố về cấu tạo của các số có ba chữ số.<br>Phát triển năng lực mô hình hóa toán học.<br>Phát triển năng lực giải quyết vấn đề<br>Phát triển năng lực giao tiếp, rèn kỹ năng hợp tác, rèn tính cẩn thận. | Dạy học trên lớp |  |
|            | <b>Bài 52: Viết số thành tổng các trăm, chục, đơn vị (2 tiết)</b> |                                           |                                                                                                                                                                                                                                                               |                  |  |
|            | 125                                                               | Viết số thành tổng các trăm, chục, đơn vị | Biết cách viết một số có ba chữ số thành tổng các trăm, chục, đơn vị (theo cấu tạo thập phân của nó)<br>Phát triển năng lực mô hình hóa toán học, năng lực giao tiếp toán học<br>Phát triển năng lực giải quyết vấn đề                                        | Dạy học trên lớp |  |
| TUẦN<br>26 | 126                                                               | Luyện tập                                 | HS biết cách so sánh các số có ba chữ số<br>HS nắm được thứ tự các số (trong phạm vi 1000)                                                                                                                                                                    | Dạy học trên lớp |  |

|                    |                                                             |                                    |                                                                                                                                                                                                                               |                  |  |
|--------------------|-------------------------------------------------------------|------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|--|
|                    |                                                             |                                    | Phát triển năng lực mô hình hóa toán học, năng lực giao tiếp toán học, năng lực giải quyết vấn đề                                                                                                                             |                  |  |
|                    | <b>Bài 53: So sánh các số có ba chữ số (2 tiết)</b>         |                                    |                                                                                                                                                                                                                               |                  |  |
|                    | 127                                                         | <b>So sánh các số có ba chữ số</b> | HS biết cách so sánh các số có ba chữ số<br>HS biết sắp xếp các số có ba chữ số theo thứ tự từ bé đến lớn hoặc ngược lại<br>Phát triển năng lực mô hình hóa toán học, năng lực giao tiếp toán học, năng lực giải quyết vấn đề | Dạy học trên lớp |  |
|                    | 128                                                         | <b>Luyện tập</b>                   | HS nắm được cách đọc, viết các số có ba chữ số<br>HS nắm được cách so sánh và sắp xếp các số có ba chữ số<br>Phát triển năng lực giao tiếp toán học, năng lực giải quyết vấn đề                                               | Dạy học trên lớp |  |
|                    | <b>Bài 54: Luyện tập chung (2 tiết)</b>                     |                                    |                                                                                                                                                                                                                               |                  |  |
|                    | 129                                                         | <b>Luyện tập</b>                   | HS nắm vững cách so sánh các số có ba chữ số; viết một số có ba chữ số thành tổng các trăm, chục, đơn vị<br>Phát triển năng lực giao tiếp toán học, năng lực giải quyết vấn đề                                                | Dạy học trên lớp |  |
|                    | 130                                                         | <b>Luyện tập</b>                   | HS nắm vững cách so sánh các số có ba chữ số.<br>Biết viết một số có ba chữ số thành tổng các trăm, chục, đơn vị.<br>Phát triển năng lực tính toán, kỹ năng so sánh số.<br>Phát triển kỹ năng hợp tác, rèn tính cẩn thận.     | Dạy học trên lớp |  |
| <b>TUẦN<br/>27</b> | <b>CHỦ ĐỀ 11: ĐỘ DÀI VÀ ĐƠN VỊ ĐO ĐỘ DÀI. TIỀN VIỆT NAM</b> |                                    |                                                                                                                                                                                                                               |                  |  |
|                    | <b>Bài 55: Đề - xi - mét. Mét. Ki-lô-mét (3 tiết)</b>       |                                    |                                                                                                                                                                                                                               |                  |  |
|                    | 131                                                         | <b>Đề - xi - mét. Mét</b>          | HS nhận biết được các đơn vị đo độ dài đề-xi-mét, mét và quan hệ giữa các đơn vị đo độ dài                                                                                                                                    | Dạy học trên lớp |  |

|  |                                                  |                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                  |  |
|--|--------------------------------------------------|--------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|--|
|  |                                                  |                          | <p>đó.</p> <p>Biết thực hiện chuyển đổi và ước lượng các số đo đơn giản theo độ dài của các đơn vị đo đã học.</p> <p>Phát triển năng lực quan sát, tư duy, ghi nhớ, giao tiếp, giải quyết vấn đề.</p> <p>Phát triển kỹ năng hợp tác, rèn tính cẩn thận.</p>                                                                                                                             |                  |  |
|  | 132                                              | Luyện tập                | <p>Ôn tập, củng cố kiến thức về các đơn vị đo độ dài ( đề-xi-mét; mét).</p> <p>Ôn tập việc tính toán, chuyển đổi giữa các đơn vị đo độ dài; so sánh các số đo độ dài.</p> <p>Phát triển năng lực tính toán, kỹ năng chuyển đổi đơn vị đo độ dài.</p> <p>Phát triển kỹ năng hợp tác, rèn tính cẩn thận.</p>                                                                              | Dạy học trên lớp |  |
|  | 133                                              | Ki-lô-mét                | <p>HS nhận biết được đơn vị đo độ dài ki-lô-mét và quan hệ giữa đơn vị đo độ dài ki-lô-mét và mét.</p> <p>Biết thực hiện chuyển đổi và ước lượng các số đo đơn giản theo độ dài của các đơn vị đo đã học.</p> <p>Phát triển năng lực quan sát, tư duy, ghi nhớ, giao tiếp, giải quyết vấn đề.</p> <p>Phát triển kỹ năng hợp tác, rèn tính cẩn thận.</p>                                 | Dạy học trên lớp |  |
|  | <b>Bài 56: Giới thiệu Tiền Việt Nam (1 tiết)</b> |                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                  |  |
|  | 134                                              | Giới thiệu Tiền Việt Nam | <p>HS nhận biết được các tờ tiền Việt Nam 100 đồng, 200 đồng, 500 đồng, 1000 đồng và biết được còn có những tờ tiền Việt nam khác sẽ được học sau.</p> <p>Bước đầu có hiểu biết về tài chính thông qua ý nghĩa của đồng tiền và có kỹ năng dùng tiền để mua hàng hóa, bỏ tiền vào lợn đất để tiết kiệm.</p> <p>Phát triển năng lực quan sát, ghi nhớ, giao tiếp, giải quyết vấn đề.</p> | Dạy học trên lớp |  |

|            |                                                             |                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                  |  |
|------------|-------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|--|
| TUẦN<br>28 |                                                             |                                                       | Phát triển kĩ năng hợp tác, rèn tính cẩn thận                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                  |  |
|            | <b>Bài 57: Thực hành và trải nghiệm đo độ dài. (2 tiết)</b> |                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                  |  |
|            | 135                                                         | <b>Thực hành và trải nghiệm đo độ dài.</b>            | <p>HS biết cách làm thước dây chia theo m và dm.</p> <p>HS biết đưa ra con số ước lượng kích thước, khoảng cách và đo lại để kiểm tra.</p> <p>HS Phát triển năng lực ước lượng độ dài, khoảng cách theo dm và m.</p> <p>Qua hoạt động thực hành sử dụng thước để đo, HS phát triển năng lực sử dụng công cụ, phương tiện học toán, năng lực giải quyết vấn đề (tình huống đơn giản).</p> <p>Phát triển kĩ năng hợp tác, rèn tính cẩn thận.</p>                                  | Dạy học trên lớp |  |
|            | 136                                                         | <b>Thực hành và trải nghiệm đo độ dài (tiếp theo)</b> | <p>Biết đo độ dài của đồ vật bằng cách gộp độ dài nhiều lần của thước kẻ.</p> <p>HS Phát triển năng lực ước lượng độ dài, khoảng cách theo dm và m.</p> <p>HS có khả năng cảm nhận và so sánh được quãng đường dài, ngắn hơn (theo đơn vị đo km).</p> <p>Qua hoạt động thực hành sử dụng thước để đo, HS phát triển năng lực sử dụng công cụ, phương tiện học toán, năng lực giải quyết vấn đề (tình huống đơn giản).</p> <p>Phát triển kĩ năng hợp tác, rèn tính cẩn thận.</p> | Dạy học trên lớp |  |
|            | <b>Bài 58: Luyện tập chung (2 tiết)</b>                     |                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                  |  |
|            | 137                                                         | <b>Luyện tập</b>                                      | <p>Củng cố kĩ năng chuyển đổi, cộng và trừ các số đo với đơn vị đo (cùng loại); áp dụng tính độ dài đường gấp khúc trong bài toán thực tế.</p> <p>Hiểu và vận dụng giải toán đối với các mô hình toán học liên quan đến độ dài.</p> <p>Phát triển kĩ năng hợp tác, rèn tính cẩn thận.</p>                                                                                                                                                                                       | Dạy học trên lớp |  |
|            | 138                                                         | <b>Luyện tập</b>                                      | Củng cố kĩ năng chuyển đổi giữa các đơn vị                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Dạy học trên lớp |  |

|                                                                  |                                                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |  |  |
|------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|
|                                                                  |                                                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | <p>đo độ dài đã học; thực hiện phép cộng có cùng đơn vị đo độ dài; áp dụng tính độ dài đường gấp khúc trong bài toán thực tế; củng cố kĩ năng so sánh, sắp xếp các số đo độ dài đã học. Phát triển năng lực tính toán, kĩ năng so sánh số.</p> <p>Phát triển kĩ năng hợp tác, rèn tính cẩn thận.</p> |  |  |
| <b>CHỦ ĐỀ 12: PHÉP CỘNG, PHÉP TRỪ TRONG PHẠM VI 1000</b>         |                                                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |  |  |
| <b>Bài 59: Phép cộng (không nhớ) trong phạm vi 1000 (2 tiết)</b> |                                                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |  |  |
| <b>139</b>                                                       | <b>Phép cộng (không nhớ) trong phạm vi 1000</b> | <p>HS thực hiện được phép cộng (không nhớ) số có ba chữ số với số có ba, hai hoặc một chữ số (trong phạm vi 1000):</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Đặt tính theo cột dọc.</li> <li>+ Từ phải qua trái, lần lượt cộng hai số đơn vị, hai số chục và hai số trăm.</li> </ul> <p>Vận dụng được vào giải toán có lời văn, kết hợp phép tính với so sánh số.</p> <p>Phát triển năng lực tính toán, kĩ năng so sánh số.</p> <p>Phát triển năng lực giao tiếp, hợp tác, giải quyết vấn đề, rèn tính cẩn thận.</p> | Dạy học trên lớp                                                                                                                                                                                                                                                                                     |  |  |
| <b>140</b>                                                       | <b>Luyện tập</b>                                | <p>Củng cố kĩ thuật đặt tính rồi tính phép cộng (không nhớ) trong phạm vi 1000</p> <p>Vận dụng vào các phép tính cộng với đơn vị dung tích (l), khối lượng (kg) và độ dài (m).</p> <p>Thông qua hoạt động quan sát tranh, hình vẽ... HS nêu được câu hỏi và tự tin trả lời được câu hỏi thích hợp với mỗi tình huống, qua đó bước đầu hình thành năng lực giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp toán học. Thông qua hoạt động hình thành năng lực tư duy, lập luận toán học.</p>                                        | Dạy học trên lớp                                                                                                                                                                                                                                                                                     |  |  |
| <b>Bài 60: Phép cộng (có nhớ) trong phạm vi 1000 (3 tiết)</b>    |                                                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |  |  |

|            |                                                                 |                                              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |                  |  |
|------------|-----------------------------------------------------------------|----------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|--|
| TUẦN<br>29 | 141                                                             | <b>Phép cộng (có nhớ) trong phạm vi 1000</b> | <p>HS thực hiện được phép cộng (có nhớ) trong phạm vi 1000</p> <p>+ Đặt tính theo cột dọc</p> <p>+ Từ phải qua trái cộng hai số đơn vị, hai số chục, hai số trăm với hai tình huống: nhớ 1 từ cột đơn vị sang cột chục hoặc nhớ 1 từ cột chục sang cột trăm.</p> <p>Giải quyết được các bài toán thực tế liên quan đến phép cộng trong phạm vi đã học.</p> <p>Thông qua hoạt động khám phá, phát hiện các tình huống, nêu bài toán và cách giải, học sinh phát triển năng lực giao tiếp, năng lực giải quyết vấn đề.</p> | Dạy học trên lớp |  |
|            | 142                                                             | <b>Luyện tập</b>                             | <p>Củng cố và hoàn thiện kỹ năng đặt tính rồi tính phép cộng (thêm trường hợp có nhớ 100) các số có ba chữ số trong phạm vi 1000.</p> <p>Học sinh thực hiện được phép cộng nhằm số tròn trăm ra kết quả là 1000; áp dụng phép cộng có nhớ vào bài toán có lời văn.</p> <p>Thông qua hoạt động khám phá, phát hiện các tình huống, nêu bài toán và cách giải, học sinh phát triển năng lực giao tiếp, năng lực giải quyết vấn đề.</p>                                                                                     | Dạy học trên lớp |  |
|            | 143                                                             | <b>Luyện tập</b>                             | <p>Củng cố kỹ năng thực hiện phép cộng trong phạm vi 1000;</p> <p>Áp dụng tính trong trường hợp có 2 dấu phép tính cộng, trừ;</p> <p>Giải và trình bày giải bài toán có lời văn.</p> <p>Thông qua hoạt động khám phá, phát hiện các tình huống, nêu bài toán và cách giải, học sinh phát triển năng lực giao tiếp, năng lực giải quyết vấn đề.</p>                                                                                                                                                                       | Dạy học trên lớp |  |
|            | <b>Bài 61: Phép trừ (không nhớ) trong phạm vi 1000 (3 tiết)</b> |                                              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |                  |  |

|  |                                                              |                                                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |                  |  |
|--|--------------------------------------------------------------|------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|--|
|  | 144                                                          | <b>Phép trừ (không nhớ) trong phạm vi 1000</b> | <p>Thực hiện được phép trừ không nhớ trong phạm vi 1000</p> <p>Thực hiện được việc tính toán trong trường hợp có 2 dấu phép tính cộng, trừ (theo thứ tự từ trái sang phải) trong phạm vi các số và phép tính đã học.</p> <p>Nhận biết được ý nghĩa thực tiễn của phép trừ thông qua tranh, ảnh, hình vẽ hoặc tình huống thực tiễn.</p> <p>-Giải quyết được một số vấn đề gắn với việc giải các bài tập có một bước tính (trong phạm vi các số và phép tính đã học) liên quan đến ý nghĩa thực tiễn của phép tính (bài tập về bớt một số đơn vị, bài tập về nhiều hơn, ít hơn một số đơn vị)</p> <p>Phát triển năng lực thực hiện được thao tác tư duy ở mức độ đơn giản. Nêu và trả lời được câu hỏi khi lập luận giải quyết các bài toán có lời văn nhằm phát triển năng lực giao tiếp</p> | Dạy học trên lớp |  |
|  | 145                                                          | <b>Luyện tập</b>                               | <p>HS biết cách làm tính trừ không nhớ các số trong phạm vi 1000.</p> <p>Làm được dạng toán có lời văn với một bước tính.</p> <p>Phát triển năng lực tính toán.</p> <p>Phát triển kĩ năng hợp tác, rèn tính cẩn thận</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Dạy học trên lớp |  |
|  | 146                                                          | <b>Luyện tập</b>                               | <p>HS biết cách làm tính trừ không nhớ các số trong phạm vi 1000.</p> <p>Làm được dạng toán có 2 bước tính.</p> <p>Biết so sánh các số, đơn vị đo độ dài mét.</p> <p>Phát triển năng lực tính toán.</p> <p>Phát triển kĩ năng hợp tác, rèn tính cẩn thận.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Dạy học trên lớp |  |
|  | <b>Bài 62: Phép trừ (có nhớ) trong phạm vi 1000 (4 tiết)</b> |                                                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |                  |  |
|  | 147                                                          | <b>Phép trừ (có nhớ)</b>                       | Thực hiện phép trừ (có nhớ) trong phạm vi                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Dạy học trên lớp |  |

|                    |            |                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                  |  |
|--------------------|------------|---------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|--|
| <b>TUẦN<br/>30</b> |            | <b>trong phạm vi 1000</b> | <p>1000.<br/>           Làm được dạng toán có lời văn với một bước tính.<br/>           Thực hiện được thao tác tư duy ở mức độ đơn giản.<br/>           Phát triển năng lực tính toán và giải quyết vấn đề<br/>           Phát triển kĩ năng hợp tác, rèn tính cẩn thận.<br/>           Nêu và trả lời được câu hỏi khi lập luận.</p>                                                                                                                                                                                                                                       |                  |  |
|                    | <b>148</b> | <b>Luyện tập</b>          | <p>HS biết cách làm tính trừ có nhớ các số trong phạm vi 1000.<br/>           Làm được dạng toán có lời văn với một bước tính.<br/>           Biết vận dụng phép trừ có nhớ trong phạm vi 1000.<br/>           Nhận biết ý nghĩa thực tiễn của phép trừ thông qua tranh ảnh, hình vẽ hoặc tình huống thực tiễn.<br/>           Thực hiện được thao tác tư duy ở mức độ đơn giản.<br/>           Phát triển năng lực tính toán và giải quyết vấn đề<br/>           Phát triển kĩ năng hợp tác, rèn tính cẩn thận.<br/>           Nêu và trả lời được câu hỏi khi lập luận</p> | Dạy học trên lớp |  |
|                    | <b>149</b> | <b>Luyện tập</b>          | <p>HS biết cách làm tính trừ có nhớ các số trong phạm vi 1000.<br/>           Làm được dạng toán có lời văn với một bước tính.<br/>           Biết vận dụng phép trừ có nhớ trong phạm vi 1000.<br/>           Nhận biết ý nghĩa thực tiễn của phép trừ thông qua tranh ảnh, hình vẽ hoặc tình huống thực tiễn.</p>                                                                                                                                                                                                                                                          | Dạy học trên lớp |  |

|            |                                         |           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |                  |  |
|------------|-----------------------------------------|-----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|--|
|            |                                         |           | Thực hiện được thao tác tư duy ở mức độ đơn giản.<br>Phát triển năng lực tính toán và giải quyết vấn đề<br>Phát triển kĩ năng hợp tác, rèn tính cẩn thận.<br>Nêu và trả lời được câu hỏi khi lập luận.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                  |  |
|            | 150                                     | Luyện tập | Ôn tập, củng cố kiến thức về phép trừ (có nhớ) trong phạm vi 1000.<br>Ôn tập về so sánh số và đơn vị đo độ dài mét<br>Phát triển năng lực tính toán.<br>Phát triển kĩ năng hợp tác, rèn tính cẩn thận                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Dạy học trên lớp |  |
| TUẦN<br>31 | <b>Bài 63: Luyện tập chung (2 tiết)</b> |           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |                  |  |
|            | 151                                     | Luyện tập | HS thực hiện được phép cộng, phép trừ (không nhớ và có nhớ) trong phạm vi 1000.<br>Nhận biết được ý nghĩa thực tiễn của phép trừ thông qua tranh ảnh, hình vẽ hoặc tình huống thực tiễn.<br>Xác định được các hình khối, hình phẳng.<br>Giải quyết được một số vấn đề gắn với việc giải bài toán có lời văn có một bước tính liên quan đến ý nghĩa thực tiễn của phép tính.<br>Phát triển năng lực tính toán, kĩ năng so sánh số.<br>Sử dụng được ngôn ngữ toán học kết hợp với ngôn ngữ thông thường để biểu đạt các nội dung toán học nhằm phát triển năng lực giao tiếp. | Dạy học trên lớp |  |
|            | 152                                     | Luyện tập | HS thực hiện được phép cộng, phép trừ (không nhớ và có nhớ) trong phạm vi 1000.<br>Nhận biết được ý nghĩa thực tiễn của phép trừ thông qua tranh ảnh, hình vẽ hoặc tình huống thực tiễn.<br>Xác định được các hình khối, hình phẳng.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Dạy học trên lớp |  |

|                                                               |                                              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                  |  |
|---------------------------------------------------------------|----------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|--|
|                                                               |                                              | <p>Giải quyết được một số vấn đề gắn với việc giải bài toán có lời văn có một bước tính liên quan đến ý nghĩa thực tiễn của phép tính.</p> <p>Phát triển năng lực tính toán, kỹ năng so sánh số.</p> <p>Sử dụng được ngôn ngữ toán học kết hợp với ngôn ngữ thông thường để biểu đạt các nội dung toán học nhằm phát triển năng lực giao tiếp.</p>                                                                                                        |                  |  |
| <b>CHỦ ĐỀ 13: LÀM QUEN VỚI YẾU TỐ THỐNG KÊ, XÁC SUẤT</b>      |                                              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                  |  |
|                                                               |                                              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                  |  |
| <b>Bài 64: Thu thập, phân loại, kiểm đếm số liệu (1 tiết)</b> |                                              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                  |  |
| <b>153</b>                                                    | <b>Thu thập, phân loại, kiểm đếm số liệu</b> | <p>Làm quen với việc thu thập, phân loại, kiểm đếm các đối tượng thống kê (trong một số tình huống đơn giản)</p> <p>Qua hoạt động quan sát cùng hoạt động diễn đạt, trả lời câu hỏi (bằng cách nói hoặc viết) mà HS đặt ra sẽ giúp HS phát triển năng lực giao tiếp toán học.</p> <p>Phát triển kỹ năng hợp tác, rèn tính cẩn thận.</p>                                                                                                                   | Dạy học trên lớp |  |
| <b>Bài 65: Biểu đồ tranh (2 tiết)</b>                         |                                              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                  |  |
| <b>154</b>                                                    | <b>Biểu đồ tranh</b>                         | <p>Nhận biết được biểu đồ tranh (biểu thị số liệu kiểm đếm bằng hình ảnh hoặc tranh vẽ theo cột hoặc hàng theo yêu cầu của việc kiểm đếm)</p> <p>Đọc và mô tả được các số liệu trên biểu đồ tranh.</p> <p>Nêu được một số nhận xét đơn giản từ biểu đồ tranh.</p> <p>Qua hoạt động khám phá, giải quyết tình huống (phân loại, kiểm đếm số ô tô theo màu sắc với các kiểu dáng, vị trí khác nhau), HS phát triển năng lực giải quyết vấn đề toán học.</p> | Dạy học trên lớp |  |

|            |                                                                                        |                                                                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                  |  |
|------------|----------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|--|
|            |                                                                                        |                                                                | Qua sơ đồ, bảng biểu dạng biểu đồ tranh, thảo luận, diễn đạt, mô tả, đọc, nhận xét số liệu trên biểu đồ tranh, HS phát triển năng lực mô hình hóa toán học, năng lực giao tiếp toán học.                                                                                                                                                                        |                  |  |
|            | 155                                                                                    | Luyện tập                                                      | Củng cố nhận biết, đọc, mô tả, nhận xét số liệu của biểu đồ tranh. Biết biểu thị các con vật, đồ vật theo đơn vị khác khái quát hơn như chấm tròn, bó que tính, ... khi kiểm đếm số liệu dựa vào biểu đồ tranh.<br>Phát triển năng lực tính toán.<br>Phát triển kĩ năng hợp tác, rèn tính cẩn thận.                                                             | Dạy học trên lớp |  |
| TUẦN<br>32 | <b>Bài 66: Chắc chắn, có thể, không thể (1 tiết)</b>                                   |                                                                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                  |  |
|            | 156                                                                                    | Chắc chắn, có thể, không thể                                   | Làm quen với việc mô tả những hiện tượng liên quan tới các thuật ngữ: chắc chắn, có thể, không thể thông qua một vài thí nghiệm, trò chơi hoặc xuất phát từ thực tiễn.<br>Qua việc mô tả các hiện tượng, diễn giải câu trả lời được đưa ra, HS có thể hình thành và phát triển năng lực tư duy và lập luận toán học.<br>Phát triển năng lực giao tiếp toán học. | Dạy học trên lớp |  |
|            | <b>Bài 67: Thực hành và trải nghiệm thu thập, phân loại, kiểm đếm số liệu (1 tiết)</b> |                                                                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                  |  |
|            | 157                                                                                    | Thực hành và trải nghiệm thu thập, phân loại, kiểm đếm số liệu | Thực hành thu thập, phân loại, ghu chép, kiểm đếm được một số đối tượng thống kê trong trường, lớp...<br>Qua việc mô tả các hiện tượng, diễn giải câu trả lời được đưa ra, HS có thể hình thành và phát triển năng lực tư duy và lập luận toán học.<br>Phát triển năng lực giao tiếp toán học.                                                                  | Dạy học trên lớp |  |
|            | <b>CHỦ ĐỀ 14: ÔN TẬP CUỐI NĂM</b>                                                      |                                                                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                  |  |
|            | <b>Bài 68: Ôn tập các số trong phạm vi 1000 (1 tiết)</b>                               |                                                                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                  |  |
|            | 158                                                                                    | Luyện tập                                                      | Đọc, viết, so sánh được các số trong phạm vi                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Dạy học trên lớp |  |

|                                                                             |           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |                  |  |
|-----------------------------------------------------------------------------|-----------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|--|
|                                                                             |           | <p>1000.</p> <p>Viết được các số theo thứ tự từ bé đến lớn và từ lớn đến bé (có không quá 4 số).</p> <p>Tìm được số lớn nhất, số bé nhất trong 4 số đã cho.</p> <p>Thực hiện được việc viết số thành tổng các trăm, chục, đơn vị.</p> <p>Phát triển năng lực tính toán, tư duy, lập luận toán học.</p> <p>Phát triển kĩ năng hợp tác và giao tiếp, rèn tính cẩn thận.</p>                                              |                  |  |
| 159                                                                         | Luyện tập | <p>Đọc, viết, so sánh được các số trong phạm vi 1000.</p> <p>Viết được các số theo thứ tự từ bé đến lớn và từ lớn đến bé (có không quá 4 số).</p> <p>Tìm được số lớn nhất, số bé nhất trong 4 số đã cho.</p> <p>Thực hiện được việc viết số thành tổng các trăm, chục, đơn vị.</p> <p>Phát triển năng lực tính toán, tư duy, lập luận toán học.</p> <p>Phát triển kĩ năng hợp tác và giao tiếp, rèn tính cẩn thận.</p> | Dạy học trên lớp |  |
| <p><b>Bài 69: Ôn tập phép cộng, phép trừ trong phạm vi 100 (3 tiết)</b></p> |           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |                  |  |
| 160                                                                         | Luyện tập | <p>HS thực hiện được phép cộng, phép trừ các số trong phạm vi 100.</p> <p>Thực hiện được cộng, trừ nhẩm; so sánh được các số trong phạm vi 100; Giải được bài toán có nội dung thực tiễn liên quan đến phép cộng, phép trừ trong phạm vi 100.</p> <p>Qua thực hành, luyện tập phát triển năng lực, tư duy và lập luận toán học.</p> <p>Phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác.</p>                                   | Dạy học trên lớp |  |

|                    |                                                                       |                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                  |  |
|--------------------|-----------------------------------------------------------------------|------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|--|
| <b>TUẦN<br/>33</b> | <b>161</b>                                                            | <b>Luyện tập</b> | HS thực hiện được việc cộng, trừ nhẩm (có số tròn chục) trong phạm vi 100.<br>So sánh được các số trong phạm vi 100.<br>Qua thực hành, luyện tập phát triển năng lực, tư duy và lập luận toán học.<br>Phát triển năng lực giải quyết vấn đề                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Dạy học trên lớp |  |
|                    | <b>162</b>                                                            | <b>Luyện tập</b> | Thực hiện được phép cộng, phép trừ trong phạm vi 100; thực hiện được việc tính toán trong trường hợp có hai dấu cộng, trừ.<br>Giải được bài toán dạng trắc nghiệm lựa chọn; giải được bài toán có nội dung thực tiễn liên quan đến phép cộng, phép trừ trong phạm vi 100.<br>Qua thực hành, luyện tập phát triển năng lực, tư duy và lập luận toán học; năng                                                                                                                                                                                                                                                                      | Dạy học trên lớp |  |
|                    | <b>Bài 70: Ôn tập phép cộng, phép trừ trong phạm vi 1000 (3 tiết)</b> |                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                  |  |
|                    | <b>163</b>                                                            | <b>Luyện tập</b> | Thực hiện được phép cộng, phép trừ các số trong phạm vi 1000.<br>Thực hiện được việc tính toán trong trường hợp có hai dấu phép cộng, trừ (theo thứ tự từ trái sang phải).<br>Thực hiện được việc cộng, trừ nhẩm (các số tròn chục, tròn trăm) trong phạm vi 1000.<br>So sánh được các số trong phạm vi 1000; tìm được số lớn nhất, số bé nhất trong các số đã cho.<br>Giải được bài toán có nội dung thực tiễn liên quan đến phép cộng, phép trừ các số trong phạm vi 1000.<br>Qua thực hành, luyện tập phát triển năng lực tính toán, tư duy, lập luận toán học.<br>Phát triển kỹ năng hợp tác và giao tiếp, rèn tính cẩn thận. | Dạy học trên lớp |  |

|  |                                                     |           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                  |  |
|--|-----------------------------------------------------|-----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|--|
|  | 164                                                 | Luyện tập | <p>Thực hiện được phép cộng, phép trừ các số trong phạm vi 1000.</p> <p>Thực hiện được việc tính toán trong trường hợp có hai dấu phép cộng, trừ (theo thứ tự từ trái sang phải).</p> <p>Thực hiện được việc cộng, trừ nhẩm (các số tròn chục, tròn trăm) trong phạm vi 1000.</p> <p>So sánh được các số trong phạm vi 1000; tìm được số lớn nhất, số bé nhất trong các số đã cho.</p> <p>Giải được bài toán có nội dung thực tiễn liên quan đến phép cộng, phép trừ các số trong phạm vi 1000.</p> <p>Qua thực hành, luyện tập phát triển năng lực tính toán, tư duy, lập luận toán học.</p> <p>Phát triển kỹ năng hợp tác và giao tiếp, rèn tính cẩn thận</p> | Dạy học trên lớp |  |
|  | 165                                                 | Luyện tập | <p>Ôn tập củng cố phép nhân, phép chia trong phạm vi đã học, ôn tập về giải toán.</p> <p>Phát triển năng lực tính toán, giải quyết vấn đề, giao tiếp toán học, vận dụng giải các bài toán thực tế.</p> <p>Phát triển kỹ năng hợp tác, rèn tính cẩn thận</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Dạy học trên lớp |  |
|  | <b>Bài 71: Ôn tập phép nhân, phép chia (3 tiết)</b> |           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                  |  |
|  | 166                                                 | Luyện tập | <p>Ôn tập ý nghĩa phép nhân, phép chia (khái niệm ban đầu xây dựng phép nhân và phép chia)</p> <p>Ôn tập, vận dụng bảng nhân, bảng chia 2 và 5 vào giải các bài toán liên quan đến phép nhân, phép chia.</p> <p>Phát triển năng lực tính toán, giải quyết vấn đề, giao tiếp toán học, vận dụng giải các bài toán thực tế.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Dạy học trên lớp |  |

|            |                                         |           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                  |  |
|------------|-----------------------------------------|-----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|--|
| TUẦN<br>34 |                                         |           | Phát triển kĩ năng hợp tác, rèn tính cẩn thận                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |                  |  |
|            | 167                                     | Luyện tập | <p>Ôn tập ý nghĩa phép nhân, phép chia (khái niệm ban đầu xây dựng phép nhân và phép chia)</p> <p>Ôn tập, vận dụng bảng nhân, bảng chia 2 và 5 vào giải các bài toán liên quan đến phép nhân, phép chia.</p> <p>Phát triển năng lực tính toán, giải quyết vấn đề, giáo tiếp toán học, năng lực lập luận toán học, vận dụng giải các bài toán thực tế.</p> | Dạy học trên lớp |  |
|            | 168                                     | Luyện tập | <p>Ôn tập, củng cố kiến thức về nhận biết điểm, đoạn thẳng, ba điểm thẳng hàng, đường gấp khúc, hình tứ giác, khối trụ, khối cầu.</p> <p>Qua hoạt động giải các bài tập, bài toán thực tế có tình huống (diễn đạt, trao đổi, trả lời câu hỏi) HS phát triển năng lực giải quyết vấn đề, năng lực giáo tiếp toán học, năng lực lập luận toán học.</p>      | Dạy học trên lớp |  |
|            | <b>Bài 72: Ôn tập hình học (2 tiết)</b> |           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                  |  |
|            | 169                                     | Luyện tập | <p>Ôn tập, củng cố kĩ năng về đo độ dài đoạn thẳng, tính độ dài đường gấp khúc.</p> <p>HS phát triển năng lực giải quyết vấn đề, năng lực giáo tiếp toán học, năng lực lập luận toán học.</p>                                                                                                                                                             | Dạy học trên lớp |  |
|            | 170                                     | Luyện tập | <p>HS được củng cố cách đo độ dài đoạn thẳng. Củng cố cách tính độ dài đường gấp khúc..</p> <p>Phát triển năng lực tính toán, kĩ năng đo độ dài đoạn thẳng.</p> <p>Phát triển kĩ năng hợp tác, rèn tính cẩn thận.</p>                                                                                                                                     | Dạy học trên lớp |  |
|            | <b>Bài 73: Ôn tập đo lường (2 tiết)</b> |           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                  |  |
|            | 171                                     | Luyện tập | <p>HS củng cố kĩ năng cân đo.</p> <p>Biết tính toán về độ dài, khối lượng và dung tích đã học.</p>                                                                                                                                                                                                                                                        | Dạy học trên lớp |  |

|            |                                                                      |           |                                                                                                                                                                                                                                                                    |                  |  |
|------------|----------------------------------------------------------------------|-----------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|--|
| TUẦN<br>35 |                                                                      |           | Phát triển năng lực cân đo, tính toán.<br>Phát triển kỹ năng hợp tác, rèn tính cẩn thận.                                                                                                                                                                           |                  |  |
|            | 172                                                                  | Luyện tập | HS củng cố kiến thức về độ dài(dm,m,km),<br>thời gian(giờ, phút, ngày, tháng, năm).<br>Biết vận dụng kiến thức vào ước lượng độ dài,<br>tính toán khi có đơn vị đo.<br>Phát triển năng lực tính toán, ước lượng. Phát<br>triển kỹ năng hợp tác, rèn tính cẩn thận. | Dạy học trên lớp |  |
|            | <b>Bài 74: Ôn tập kiểm đếm số liệu và lựa chọn khả năng (1 tiết)</b> |           |                                                                                                                                                                                                                                                                    |                  |  |
|            | 173                                                                  | Luyện tập | HS ôn tập củng cố về kiểm đếm số liệu, biểu<br>đồ tranh và lựa chọn khả năng(chắc chắn, có<br>thể, không thể)<br>Phát triển năng lực kiểm đếm số liệu,<br>Phát triển kỹ năng hợp tác, rèn tính cẩn thận.                                                           | Dạy học trên lớp |  |
|            | <b>Bài 75: Ôn tập chung (2 tiết)</b>                                 |           |                                                                                                                                                                                                                                                                    |                  |  |
|            | 174                                                                  | Luyện tập | HS củng cố kiến thức về các số trong phạm vi<br>1000 và so sánh các số.<br>Phát triển năng lực tính toán.<br>Phát triển kỹ năng hợp tác, rèn tính cẩn thận.                                                                                                        | Dạy học trên lớp |  |
|            | 175                                                                  | Luyện tập | Thực hiện phép cộng, trừ (không nhớ, có nhớ<br>trong phạm vi 1000). Phép nhân, phép chia<br>trong bảng 2 và 5.<br>Phát triển năng lực tính toán.<br>Phát triển kỹ năng hợp tác, rèn tính cẩn thận                                                                  | Dạy học trên lớp |  |

Người thực hiện

Duyệt của Ban giám hiệu